GIẢI QUYẾT HẬU QUẢ CHẤT ĐỘC DA CAM Ở VIỆT NAM

BẢN TUYÊN BỐ
VÀ
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

NHÓM ĐỐI THOẠI VIỆT - MỸ
VỀ CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN
2010 - 2019

Báo cáo năm thứ Ilл

HÀ NỘI & WASHINGTON
Tháng p năm 201н

VIỆN ASPEN

Báo cáo năm thứ Hai
của
Nhóm Đối thoại Việt - Mỹ
về Chất độc Da Cam/Dioxin

Tháng Năm 2012
Washington và Hà Nội

Susan V. Berresford, Người Triệu tập
Nguyên Chủ tịch Quỹ Ford

Walter Isaacson, Đồng Trưởng Nhóm phía Mỹ, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc, Viện Aspen

Christine Todd Whitman, Chủ tịch, Tập đoàn Chiến lược Whitman

William Mayer, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc, Công ty Park Avenue Equity Partners

Mary Dolan-Hogrefe, Chuyên gia vận động về vấn đề Người Khuyết tật

Tiến sỹ Vaughan Turekian, Trưởng Phòng Quốc tế, Hội Phát triển Khoa học Mỹ

Đại sứ Hà Huy Thông, Đồng Trưởng Nhóm phía Việt Nam; Phó Chủ nhiệm
Uỷ ban Đối ngoại, Quốc hội Việt Nam

Giáo sư Võ Quý, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Việt Nam

Bác sỹ Nguyễn Thi Ngọc Phượng, Trưởng Khoa Phụ sản, Đại học Y thành phố Hồ Chí Minh

Đỗ Hoàng Long, Vụ trưởng, Vụ Đối ngoại Nhân dân, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng

Trung tướng Phùng Khắc Đăng, Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, đại biểu Quốc hội Việt Nam

LỜI GIỚI THIỆU

Bối cảnh diễn tiến để Việt Nam và Mỹ chung tay xử lý di sản của Chất độc Da cam

Chúng ta không nên ngạc nhiên về việc chỉ đến tận bây giờ, gần 40 năm sau khi kết thúc các hoạt động thù địch, chúng ta mới tới điểm ngoặt để giải quyết một trong những di sản khó chịu của cuộc chiến giữa Mỹ và Việt Nam - tác động lâu dài của Chất độc Da cam và các chất diệt cỏ chứa đioxin khác đối với con người, cộng đồng dân cư và các hệ sinh thái ở Việt Nam. Các cuộc chiến tranh đã để lại những vết thương còn thô nguyên về chính trị và tinh thần. Chẳng mấy hiểu nổi những mối lo ngại dai dẳng, và theo định nghĩa, những cựu thù thiếu niềm tin vào nhau và thiếu trải nghiệm về sự hợp tác với nhau để từ đó có thể xây dựng được một mối quan hệ đối tác chiến lược mới. Quan hệ Việt-Mỹ đã minh họa một cách quá rõ ràng cho chân lý này. Nó có nhiều khả năng nhất trong việc đem lại những bài học cho các cuộc chiến khác về quãng thời gian cần phải trôi qua trước khi có thể giải quyết đầy đủ những di sản đau đớn.

Và thực ra, cả mấy thập kỷ cũng chẳng làm được gì nhiều về chất độc Da cam/dioxin. Chẳng có mấy hiểu biết về tác động sinh học và sinh thái của chất độc Da cam/dioxin. Hiểu biết về tầm mức của vấn đề cũng tương tự như vậy; tác động của dioxin đối với nhân viên quân sự Mỹ là một vấn đề tranh cãi trong nước Mỹ. Và việc kiện tụng tại tòa án Mỹ vì lợi ích của những người ở Việt Nam vốn dĩ tin rằng họ là nạn nhân đã kéo theo những trận chiến pháp lý mới, những cuộc tranh cãi và tâm trạng cảnh giác đề phòng.

Nhưng trong năm năm qua đã có nhiều thay đổi, một phần quan trọng nhờ có sự can thiệp sáng tạo và nhiệt tình của các tổ chức công và tư. Những quan tâm lo lắng của các cựu binh Mỹ đang được xử lý một cách có trách nhiệm hơn nhiều so với những thập kỷ trước- mặc dù vẫn cần tiếp tục quan tâm. Các vụ kiện chậm lại. Vị trí địa lý của các "điểm nóng" dioxin ở Việt Nam giờ đã rõ ràng[1], cùng với ước tính chi phí cho việc tẩy độc. Việc tẩy độc tại sân bay Đà Nẵng, một trong ba điểm nóng chủ yếu, đã có bước khởi đầu đáng kể. Đã có đại để số lượng người bị khuyết tật có thể liên quan đến dioxin. Nhu cầu của họ - và của những người chăm sóc họ - hiện nay đã được hiểu rõ hơn. Nay đã có thể ước tính chi phí tẩy độc và chăm sóc trên cơ sở trải nghiệm sống thực tế. Chính phủ Việt Nam đã lấy năm 2020 là thời điểm hoàn thành công việc được mô tả trong báo cáo này, cũng như Chương trình Hành động Quốc gia của Chính phủ.

Có lẽ điều quan trọng nhất và có ý nghĩa thực tế tại thực địa đã chứng tỏ rằng có thể có được những mối quan hệ đối tác hiệu quả giữa hai Chính phủ chúng ta cũng như giữa chính phủ, xã hội dân sự, và các doanh nghiệp vị lợi nhuận với nhau để xử lý nhiều phương diện của di sản này:

- Khống chế và tiêu hủy dioxin;
- Tạo cơ hội để những người khuyết tật và những người chăm sóc họ có thể có cơ hội để sống một cuộc sống có nhân phẩm;
- Phục hồi những hệ sinh thái đã bị tàn phá;
- Theo đuổi công tác nghiên cứu khoa học cơ bản cần thiết nhằm tạo ra sự thay đổi tích cực, bền vững, và;
- Nâng cao nhận thức của công chúng Mỹ về nhu cầu và cơ hội giải quyết di sản của chất độc Da cam.

---

[1] Điều tra của Ủy ban 10-80/Hatfield năm 2003-2005 bước đầu xác định 28 điểm nóng tiềm tàng dioxin trong đó bao gồm Đà Nẵng, Biên Hòa và Phù Cát. Hai điểm nóng nữa được liệt kê vào danh sách trong các chuyến đi thực địa. Xem danh sách đầy đủ các điểm nóng trong trang 11-12. Tải Google Earth vào máy tính của bạn và tải file tương tác tại http://www.aspeninstitute.org/sites/default/files/content/docs/agent-orange/2012-5-23VNDioxinhotspots.kmz

Sẽ không thể có những tiến triển này nếu không có sự lãnh đạo táo bạo của các vị lãnh đạo ở cả hai nước. Nguyên Chủ tịch Nguyễn Minh Triết và nguyên Tổng thống George W. Bush, Ngoại trưởng Hilary Clinton, và các nhà lập pháp ở cả hai nước đã nêu rõ cam kết xử lý những cái giá phải trả về mặt con người trong di sản dioxin thông qua mối quan hệ đối tác. Các vị lãnh đạo khác của cả hai nước cũng đều đã thể hiện mong muốn vượt lên trên những điều nhạy cảm dai dẳng liên quan đến chiến tranh. Tất cả đều tập trung vào tiềm năng làm cho những mối liên hệ chiến lược và kinh tế giữa hai nước trở nên sâu sắc hơn.

Các hoạt động và kết quả đã đạt được

Lời mở đầu

Nhóm Đối thoại Việt-Mỹ về chất độc Da Cam/Dioxin là một ban vận động của hai quốc gia gồm các cá nhân công dân, các nhà khoa học và các nhà hoạch định chính sách hoạt động nhằm thu hút sự chú ý lớn hơn đối với vấn đề chất độc Da cam và huy động nguồn lực. Tại lần họp đầu tiên vào tháng Hai 2007, Nhóm Đối thoại đã thông qua một cách tiếp cận có tính chất hướng tới tương lai nhằm giải quyết di sản chất độc Da cam qua một loạt hoạt động nhân đạo do Việt Nam và Mỹ hợp tác tiến hành. Ngày 16 tháng Sáu năm 2010, Nhóm Đối thoai về chất độc Da cam/dioxin đã công bố bản Tuyên bố và Kế hoạch 10 năm nhằm xử lý những hậu quả còn đang xảy ra của Chất độc Da cam đối với môi trường và con người. Tháng Bảy năm 2011, Nhóm Đối thoại đã đưa ra Báo cáo Năm thứ Nhất tóm tắt các hoạt động và các kết quả đã đạt được kể từ khi công bố Bản Kế hoạch và nhân diện các cơ hội và thách thức trong thời gian tới. Tài liệu này là Báo cáo Năm thứ Hai của Nhóm Đối thoại.

Trong 12 tháng qua, Nhóm Đối thoại đã góp phần thu hút được nhiều sự chú ý tới những hoạt động nhân đạo đối với di sản chất độc Da cam ở Việt Nam, chuyển tải được tính cấp bách của công việc này tới các nhóm chủ chốt ở Mỹ, và hỗ trợ để có được nguồn tài chính lớn hơn đáng kể từ Mỹ và các nguồn khác. Những hoạt động nổi bật dưới đây là điển hình cho những hoạt động mà các thành viên của Nhóm Đối thoại và Chương trình Chất độc Da cam của Viện Aspen đã góp phần triển khai trong năm nay.

Tháng Tám 2011- Quan hệ Đối tác Công - Tư. Viện Aspen, Chính quyền thành phố Đà Nẵng, Chính quyền huyện Cẩm Lệ, tổ chức Trẻ em Việt Nam và Quỹ Rockefeller đã hình thành dự án Quan hệ Đối tác Công - Tư (PPP) tại Đà Nẵng. Dự án PPP này tiếp tục cuộc cải tổ các dịch vụ xã hội ở cấp huyện đối với trẻ em và thanh thiếu niên bị khuyết tật, và đây là lần đầu tiên áp dụng mô hình PPP nhằm tài trợ cho chương trình người khuyết tật tại Việt Nam. Quỹ Rockefeller hỗ trợ phần tiền ”hạt giống”. Mạng lưới các Khách sạn Hyatt là doanh nghiệp đóng góp đầu tiên, tiếp đó là ngân hàng HSBC. Chính quyền địa phương ở quận Cẩm lệ cam kết nguồn lực công để duy trì phương pháp cung cấp dịch vụ xã hội mới này. Chương trình này đưa ra một mô hình mà có thể nhân rộng một cách đáng kể ra các địa phương khác.

Tháng Chín 2011- Sáng kiến Toàn cầu Clinton. Sáng kiến Toàn Cầu Clinton (CGI) năm 2011 công nhận Quan hệ Đối tác Công - Tư ở Đà Nẵng là một sự cam kết của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Viện Aspen, Quỹ Rockefeller, hãng IBM, và Mạng lưới các Khách sạn Hyatt. Các đối tác cam kết trợ giúp tất cả những người khuyết tật ở Việt Nam, bất kể khuyết tật vì lí do gì. Khoản công bố tại CGI trị giá 3 triệu USD từ USAID và 0,5 triệu USD từ khu vực tư nhân đánh dấu

một cơ hội khác thường để các chính phủ, các quỹ và khu vực tư nhân cộng tác cùng nhau và thể hiện giá trị của các mối quan hệ đối tác hai quốc gia.

Tháng Chín 2011- Ủy ban Tư vấn Hỗn hợp (JAC). Các thành viên của Nhóm Đối thoại gồm Bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng và Giáo sư Võ Quý cùng Charles Bailey từ Viện Aspen đã trình bày các khuyến nghị nêu trong Báo cáo Năm thứ Nhất của Nhóm Đối thoại tại kỳ họp thường niên lần thứ 6 của Ủy ban Tư vấn Kỹ thuật giữa hai nước tại Hà Nội.

Tháng Chín 2011- Tổ chức Rotary International. Thành viên của Nhóm Đối thoại Giáo sư Võ Quý, các lãnh đạo của Rotary International ở San Francisco và Seattle, và Charles Bailey đã tới thăm xã Đông Sơn, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Quỹ Rotary đồng ý tài trợ 20.000 USD để cho đủ 70.000 USD cho dự án nước dẫn bằng đường ống ở Đông Sơn. Đông Sơn là địa điểm sân bay A Shau trước đây là khu quân sự của Mỹ mà vào năm 1999 Ủy ban 10-80 của Bộ Y Tế và công ty tư vấn Hatfield đã xác định là bị nhiễm dioxin.

Tháng Mười 2011- Hội thảo Hòa Bình của tổ chức Rotary. Sinh viên, người Mỹ gốc Việt và các thành viên Rotary tham gia một hội thảo lớn về Chất độc Da cam và việc xử lý di sản Chiến tranh ở Việt Nam tại trường Đại học California/Berkeley vào ngày 28-29 tháng Mười. 160 người tham dự Hội thảo đã trao đổi mọi khía cạnh của di sản Chất độc Da cam, trong đó nhấn mạnh "Mười việc bạn có thể làm để đưa chất độc Da cam vào dĩ vãng" Charles Bailey có bài phát biểu đề dẫn. Đồng Trưởng Nhóm Đối thoại - Đại sứ Ngô Quang Xuân và thành viên của Nhóm Đối thoại Bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng có bài trình bày.

Tháng Mười hai 2011- Phân bổ ngân sách Năm tài chính 2012. Ngày 22/12 Tổng thống Obama ký Đạo luật Phân bổ Ngân sách tổng hợp 2012 phân bổ 20 triệu USD cho giải quyết vấn đề chất độc Da cam ở Việt Nam — 15 triệu USD để hoàn tất số tiền khắc phục hoàn toàn điểm nóng dioxin tại sân bay Đà Nẵng, đồng thời bắt đầu khắc phục tại Biên Hòa và có thể các điểm nóng khác. Số dư 5 triệu USD còn lại là để cho các chương trình y tế/khuyết tật tại các nơi ở Việt Nam đã từng là mục tiêu của chất độc Da cam hoặc các vùng hiện vẫn bị ô nhiễm dioxin. Ngôn ngữ trong dự luật và báo cáo kèm theo của Thượng viện đưa ra một khuôn khổ được cải thiện rất nhiều, thực tế là một bước đột phá, để có thể nghiêm chỉnh bắt đầu việc kết thúc di sản chất độc Da cam tại Việt Nam.

Tháng Mười Hai 2011 - Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID. Ngày 30/12 USAID công bố Yêu cầu Hỗ trợ (RFA) mời gọi thầu cho chương trình 3 năm cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật với số tiền 3 triệu USD mỗi năm, tổng số tiền là 9 triệu USD. Bảy mươi phần trăm số tiền này được sử dụng cho các chương trình ở Đà Nẵng; 40% số tiền này để chi cho các dịch vụ trực tiếp cho người khuyết tật.

Năm 2011 Chính phủ Việt Nam. Chính phủ Việt Nam cam kết đầu tư 28 tỉ VND (1,3 triệu USD) vào một dự án trong Làng Hữu nghị để chăm sóc người khuyết tật liên quan đến Chất độc Da cam/dioxin. Các tổ chức phi chính phủ và các cá nhân đến thăm Làng và đóng góp thêm được 500 triệu VND (25.000 USD) vào dự án này, từ đó cũng thu hút được nhiều sự chú ý của các quan chức cao cấp của Việt Nam và các nhà tài trợ quốc tế.

Tháng Hai 2012 – Tài trợ của Nhóm Đối thoại. Đồng Trưởng nhóm - Đại sứ Ngô Quang Xuân và thành viên của Nhóm Đối thoại Bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng đã chuyển tiền của dự án hỗ trợ 5.000 USD cho Làng Cam ở thành phố Hồ Chí Minh và 35.000 USD cho Trung tâm Phục hồi Chức năng ở Biên Hòa.

Tháng Ba 2012 – Tài trợ của Nhóm Đối thoại. Đồng Trưởng Nhóm - Đại sứ Ngô Quang Xuân và Giám đốc Chương trình của Aspen ông Charles Bailey dùng tiền dự án hỗ trợ 5.000 USD cho Hội Nạn nhân Chất độc Da cam Thái Binh.

Tháng Năm 2012 – Quỹ Rotary. Chủ tịch Hội đồng Quản trị William Boyd và các thành viên Rotary từ Úc và Mỹ đi cùng với các thành viên của Nhóm Đối thoại tới làng Đông Sơn ở thung lũng A Lưới để khánh thành một hệ thống cấp nước ống đã hoàn tất. Hệ thống này đưa nước ngọt được lọc tới từng gia đình trong tổng tố 259 hộ ở Đông Sơn.

CƠ HỘI - BẢN KẾ HOẠCH TOÀN DIỆN NHIỀU NĂM

Chính phủ Việt Nam đã lấy năm 2020 là năm hoàn tất mọi công trình chủ yếu liên quan đến Chất độc Da cam. Do vậy, năm năm tới là thời kỳ hoạt động cao điểm và 2012 là một năm then chốt. Tiến triển năm năm qua trong việc tìm ra và theo đuổi các giải pháp thực sự đã đưa chúng ta tới thời điểm đầy triển vọng này: Việc thanh toán chất dioxin gây ô nhiễm đất ở sân bay Đà Nẵng sẽ sớm bắt đầu, sau khi đã được cả hai Chính phủ cùng xem xét về mặt khoa học và kỹ thuật, và sau khi USAID tăng cường đáng kể cam kết xử lý những nhu cầu của người khuyết tật, bất luận nguyên nhân gây ra khuyết tật là gì.

Điều có ý nghĩa nhất là Quốc hội Mỹ đã chỉ thị cho USAID tham khảo ý kiến của Chính phủ Việt Nam và các bên quan tâm khác để xây dựng một bản kế hoạch toàn diện nhiều năm nhằm xử lý vấn đề Chất độc Da cam/dioxin. Nhóm Đối thoại tin rằng một bản kế hoạch toàn diện là bản kế hoạch bao hàm mọi khía cạnh của di sản Chất độc Da cam. Bản kế hoạch cần được cân đối trong 5 năm- đủ độ dài để cho kết quả và đủ độ ngắn để có tính thực tế.

Trên cơ sở kết hợp hiểu biết chuyên môn với kinh nghiệm của các thành viên và đồng nghiệp, Nhóm Đối thoại Việt-Mỹ về Chất độc Da cam/dioxin đưa ra báo cáo này như là một đóng góp vào các cuộc thảo luận của những người chuẩn bị bản Báo cáo toàn diện cực kỳ quan trọng này.

Ở những trang dưới đây, chúng tôi trình bày bảy khuyến nghị chính. Trong phần phụ lục có tính chất kỹ thuật toàn diện hơn, chúng tôi đưa ra phần nghiên cứu nền và phân tích nhằm hậu thuẫn cho những khuyến nghị ấy.

Chúng tôi đưa ra những gợi ý này trên tinh thần ngày càng có nhiều mong đợi tích cực, dựa trên hơn một thập kỷ thử nghiệm, sai sót và làm việc cần mẫn. Một bản kế hoạch toàn diện và tinh thần hợp tác toát lên từ bản kế hoạch có thể là một hình mẫu về nỗ lực nhân đạo của hai nước và là một ví dụ về điều cần phải có nhằm sửa chữa những tàn phá của chiến tranh đối với người dân, đối với thiên nhiên và đối với mối quan hệ giữa các dân tộc. Chúng tôi xin kính chào tất cả những ai đang hợp tác để hàn gắn những vết thương chiến tranh.

* * * * *

Trong năm năm tới – từ 2013 đến 2017- Nhóm Đối thoại tin rằng có thể cơ bản xử lý được ba mục tiêu chính sau:

XỬ LÝ DI SẢN CỦA CHẤT ĐỘC DA CAM Ở VIỆT NAM – Báo cáo năm thứ hai

1. **Tẩy độc dioxin tại tất cả các điểm nhiễm độc còn lại.** Khi việc tẩy độc tại ba điểm đầu tiên được hoàn tất, tất cả các điểm còn lại cần phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và vô hiệu hóa chất độc. Trong mọi trường hợp, những điểm ở mức độ ưu tiên thấp hơn cũng sẽ ít thách thức hơn về mặt kỹ thuật và tài chính so với ba điểm ưu tiên cao nhất. Tại một số điểm, cần phải có biện pháp khắc phục đầy đủ, nhưng tại một số điểm khác thì chỉ các biện pháp mềm cũng có thể giải quyết được vấn đề. Ngoài ra, khi có các dữ liệu bổ sung về khả năng thu dồn dioxin trong các ao hồ thì có thể sẽ cần phải sắp xếp mới lại thứ tự ưu tiên. Tại tất cả các điểm, sẽ cần phân tích và chia sẻ trong giới khoa học về hiệu năng của các phương pháp xử lý khác nhau. Xin tham khảo chi tiết tại trang 10-13.

2. **Nâng cấp các dịch vụ xã hội lồng ghép cho người khuyết tật tại các tỉnh ưu tiên trong số những tỉnh là đối tượng của chất độc Da cam.** Cần phải ưu tiên cho những nơi được ghi nhận là bị phun rải nặng và cần bắt đầu công tác khảo sát về những người bị khuyết tật. Cần thí điểm các chương trình mẫu để mở thật rộng tới những gia đình và cá nhân khó khăn nhất. Các bản thiết kế chương trình cần nhấn mạnh các mô hình phục vụ toàn diện và lồng ghép theo đó sự trợ giúp được thiết kế cụ thể theo nhu cầu của từng cá nhân và có tính tới năng lực, tình trạng nghèo, khả năng tiếp cận giáo dục và học nghề của gia đình, trong những trường hợp có thể. Cần khuyến khích phương pháp quản lý theo trường hợp cụ thể để đảm bảo rằng các vấn đề về y tế, tình cảm và văn hóa đều được xem xét và các dịch vụ được cân đối lại một khi nhu cầu thay đổi. Cần xác định mục tiêu là hỗ trợ tất cả các nhóm dân cư cần hỗ trợ và, ở mức độ có thể, khuyến khích tính độc lập đối với người khuyết tật. Đồng thời, các chương trình nên hỗ trợ thông tin và phục vụ chăm sóc sức khỏe và chăm sóc trước khi sinh con, đồng thời nên xây dựng một hệ thống quan trắc và sàng lọc các sản phụ, theo dõi sự phát triển của trẻ và can thiệp khi các cháu còn nhỏ. Xin tham khảo chi tiết tại trang 14-18.

3. **Tăng cường khả năng sản xuất của các vùng đất đã bị tàn phá.** Cần mở rộng các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý rừng, nhân viên kỹ thuật và nông dân tại các vùng đất đã bị thoái hóa nghiêm trọng. Cần thử nghiệm tại chỗ để liên tục chắt lọc được kiến thức về các sinh vật bản địa và đưa vào nuôi trồng lại, phát triển thị trường về các loài này cho nông dân, và chọn lựa giống nuôi thích hợp. Kế hoạch tập huấn và sử dụng đất cần phải tiếp thu đầy đủ kiến thức của người nông dân tại địa phương. Đề nghị tham khảo chi tiết tại trang 18-20.

Ngoài ra, khoảng thời gian năm năm của bản kế hoạch này chính là cơ hội để tăng cường năm năng lực bổ trợ nhằm đảm bảo duy trì được tiến bộ.

4. **Nâng cao quyền của người khuyết tật.** Việt Nam đã ký Công Ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người Khuyết tật và đã phê chuẩn luật quốc gia khẳng định quyền và trách nhiệm cơ bản đối với người khuyết tật. Lúc này nên tập trung vào việc thực hiện luật và khuyến khích cổ vũ

cho tiếng nói và vai trò lãnh đạo tích cực của người khuyết tật (NKT). Cần khuyến khích mạnh mẽ các chủ sử dụng lao động phối hợp với các tổ chức của NKT để mở ra những cơ hội mới. Phải dành ưu tiên cho những yêu cầu điều chỉnh thiết kế thích hợp trong những môi trường nhà ở mới xây dựng hoặc cải tạo lại và trong những môi trường làm việc. Trong tất cả các nỗ lực này, nam nữ thành viên của cộng đồng người khuyết tật nên giữ vai trò lãnh đạo. Đề nghị tham khảo chi tiết tại trang 20-22.

5. **Nâng cao kỹ năng quản lý và chuyên môn của các đối tác địa phương.** Công việc có quy mô và ý nghĩa như dự tính trong báo cáo này chỉ có thể thành công nếu mọi người có được kỹ năng tinh tế và cập nhật trong các lĩnh vực quản lý và chuyên môn. Nhiều tổ chức sẵn sàng tham gia hoạt động ứng phó với chất độc Da cam/dioxin không có được số lượng nhân viên, đào tạo, không gian vật chất và mối liên hệ đầy đủ với các đồng đẳng. Việc đào tạo và thiết lập những mối quan hệ đối tác sáng tạo nhằm xây dựng các nghề phục vụ người khuyết tật là rất khẩn thiết. Cũng ở đây, cần phải ưu tiên cho những nơi khó khăn nhất và những tổ chức trực tiếp làm việc với các gia đình và cá nhân. Đề nghị tham khảo chi tiết tại trang 22-25.

6. **Tiến hành nghiên cứu dài hạn.** Phòng thí nghiệm dioxin độ phân giải cao mới của Việt Nam chắc chắn sẽ tạo ra các số liệu và kiến thức mới về dioxin. Cần ưu tiên xây dựng phương pháp hợp tác khoa học quốc tế sao cho những thông tin này và những thông tin tương tự được chia sẻ rộng rãi giữa các đồng nghiệp. Đề nghị tham khảo chi tiết tại trang 25.

7. **Tạo ra cơ chế tài trợ mới và năng động.** Do sự hợp tác quốc tế và hoạt đông nhằm chấm dứt tình trạng phơi nhiễm dioxin đã tăng lên trong mấy năm gần đây, một số mô hình đồng tài trợ và đối tác công-tư đã xuất hiện. Những mô thức hợp tác mới ra đời này cần được nuôi dưỡng và cổ vũ. Những đóng góp từ các Chính phủ, doanh nghiệp, các quỹ và các cá nhân sẽ chỉ tiếp tục nếu như các chương trình được lập thành hồ sơ văn bản và được phân tích tốt, thể hiện có trách nhiệm và minh bạch về tài chính, và được tiến hành trên tinh thần hợp tác. Nên khuyến khích những cam kết nhiều năm để đảm bảo các nỗ lực được bền vững và liên tục. Nên đề nghị những nhân vật chủ chốt của mỗi ngành mỗi giới đóng vai trò lãnh đạo trong việc huy động tài trợ. Đề nghị tham khảo chi tiết tại trang 25-29.

8. **Nâng cao nhận thức cho công chúng ở cả hai nước**. Công chúng Mỹ và Việt Nam cần có hiểu biết về những tiến triển vững chắc đang diễn ra và về những cột mốc có ý nghĩa đã đạt được nhờ công việc hợp tác giữa hai nước hướng tới các mục tiêu nêu trên.

Đây là những chủ đề được tìm hiểu sâu hơn trong phần phụ lục của Báo cáo này.

Ngân sách dự tính cho kế hoạch Năm năm 2013-2017

Kế hoạch Hành động của Nhóm Đối thoại năm 2010 dự tính 300 triệu USD trong giai đoạn 10 năm — 100 triệu USD để tẩy độc vùng đất bị nhiễm dioxin và khôi phục khả năng sản xuất của vùng đất đã bị tàn phá và 200 triệu USD để mở rộng các hoạt động phục vụ người khuyết tật liên quan đến dioxin và người bị các dạng khuyết tật khác, và gia đình họ. Theo bản Kế hoạch này, mỗi năm trung bình dự chi 30 triệu USD trong vòng 10 năm. Trong năm đầu tiên, 2010-

2011, số tiền phân bổ cho các chương trình chất độc Da cam ở Việt Nam là 20 triệu USD từ các nguồn công và tư khác nhau. Trong năm thứ hai, 2011-2012, số tiền được phân bổ cũng đạt 20 triệu USD nhưng hầu như toàn bộ là từ khoản chuẩn chi ngân sách của Chính phủ Mỹ vì các nguồn khác hoặc bị tạm ngưng hoặc là chuyển sang hướng khác.

Kể từ 2010 các khoảng ước chi trở nên chính xác hơn. Chi phí cho mỗi điểm tẩy độc hoàn toàn đã được tính xong - cho Đà Nẵng, là 43 triệu USD, cho Phù Cát là 5 triệu USD, cho Biên Hòa là 85 triệu USD, và cho các điểm it nóng hơn là 17 triệu USD. Tổng cộng các chi phí này là 150 triệu USD, cao hơn 50% so với dự tính năm 2010 của Nhóm Đối thoại.

Các số liệu và phân tích của Tiến sĩ Jeanne Stellman về các mẫu phun rải trong thời kỳ chiến tranh sẽ sớm cho phép lập bản đồ chính xác các vùng trung bình bị phơi nhiễm dioxin cao hơn. Bảng trong trang 14 đưa ra các số liệu ban đầu. Các số liệu trong điều tra dân số năm 2009 về mẫu khuyết tật theo các tỉnh thành hiện đã có và ở trong bảng ở trang 29. Các số liệu người khuyết tật có thể đưa vào bảng tương quan với số liệu mẫu phun rải để đưa ra các vùng người khuyết tật có thể lien quan đến việc phơi nhiễm dioxin. Kết hợp với kinh nghiệm mới về chi phí để giải quyết vấn đề khuyết tật, phân tích này cho phép ta đưa ra dự toán đúng hơn về chi phí cung cấp các dịch vụ toàn diện cho người khuyết tật tại những vùng dioxin có thể là một nhân tố gây ra.

Chính phủ Việt Nam đã tăng phần cam kết của mình đối với việc phục hồi hệ sinh thái bị tàn phá và việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật. Khuôn khổ pháp lý quy định việc bảo vệ và chăm sóc người khuyết tật đã được tăng cường. Chi tiêu công thì chưa theo kịp những cam kết này. Vì ngày càng rõ hơn các nhu cầu được hưởng các dịch vụ xã hội mở rộng ở những địa điểm mục tiêu phun rải chất độc Da cam, các khoản dự chi này hẳn cũng sẽ tăng lên. Vì thế, Nhóm Đối thoại đã tăng mức dự chi của Bản Kế hoạch Hành động từ 300 triệu USD trong vòng 10 năm lên 450 triệu USD trong vòng 10 năm.

Cần trừ bốn mươi triệu USD đã được huy động trong hai năm qua trong số tiền 450 triệu USD, như vậy còn cần huy động 410 triệu USD còn lại. Số tiền này có thể triển khai trong quãng thời gian năm năm như khuyến nghị trong báo cáo này (82 triệu USD/năm). Như đã nói, chính phủ Việt Nam đã kêu gọi hoàn tất Kế hoạch Hành động Quốc gia vào năm 2020. Điều này cho dự tính kết thúc việc tẩy độc, thiết lập các nỗ lực khôi phục hệ sinh thái chính. Con số tổng sửa đổi này có nghĩa là dự trù chi phí đầu tư mỗi năm là 51.25 triệu USD trong tám năm.

Số tiền 410 triệu USD có thể được sử dụng như sau:

(i) Tẩy độc dioxin 107 triệu USD (Biên Hòa 85 triệu USD, Phù Cát 5 triệu USD và các vùng ít nóng hơn 17 million USD); và,

(ii) Các dich vụ xã hội và các hợp phần khác được mô tả trong báo cáo này 303 triệu USD.

Trong mục tiêu huy động tài chính 82 triệu USD mỗi năm, Nhóm Đối thoại khuyến nghị 65 triệu USD từ Chính phủ Mỹ, và số tiền còn lại 17 triệu USD/năm huy động từ các nguồn song phương khác và các nguồn kinh doanh tư nhân vị lợi nhuận và các nguồn phi lợi nhuận.

PHỤ LỤC

1. TẨY ĐỘC DIOXIN TẠI TẤT CẢ CÁC ĐIỂM BỊ NHIỄM ĐỘC CÒN LẠI

Trong thời kỳ 1961-1971, một diện tích rộng tới 2,6 triệu héc-ta ở miền Trung và miền Nam Việt Nam đã bị phun rải hơn 47 triệu lít chất diệt cỏ chứa dioxin. Khoảng 14% diện tích miền Nam Việt Nam đã ít nhất một lần bị phun rải. Tất cả các đợt chế chất diệt cỏ màu Da cam (1965-1970), Hồng (1961- 1965), Xanh Lá cây (1961 – 1965) và Đỏ tía (1962-1965) đều chứa chất diệt cỏ 2,4,5-T là loại chất được phát hiện có nhiễm độc dioxin (TCDD). Vì các chất diệt cỏ này do các công ty khác nhau sản xuất và có các mức độ nhiễm độc dioxin khác nhau tùy từng đợt sản xuất, mức độ dioxin trong các chất diệt cỏ dao động từ dưới 1ppm (một phần triệu) lên đến 65 ppm[2]. Thông qua việc điểm lại các dữ liệu phun rải và sử dụng con số trung bình 3ppm TCDD, Giáo sư Jeanne Stellman tại trường Đại học Columbia và các đồng nghiệp của bà đã ước tính rằng các loại chất diệt cỏ phun rải ở Việt Nam có chứa tối thiểu 366 kg dioxin. TCDD có tính ổn định cực kỳ cao. Do đó, sau hơn 40 năm kể từ khi kết thúc phun rải, vẫn còn một số địa phương là "túi chứa" nhiễm dioxin ở miền Nam Việt Nam.

Các nhà khoa học Việt Nam và quốc tế đã tiến hành rất nhiều xét nghiệm đất và trầm tích và phát hiện mức độ cao dioxin tại các điểm vốn là cơ sở quân sự của Mỹ trú đậu các máy bay phun rải hoặc nằm trong phạm vi khu vực bị phun rải thường xuyên. Công ty Hatfield của Ca-na-đa làm việc với các đồng nghiệp Việt Nam đã phát hiện rằng những vùng đất bị phun rải chất diệt cỏ nay không còn mức độ dư lượng dioxin cao nữa. Cũng có ít bằng chứng về việc một phần dioxin còn bám vào các phân tử đất xả trôi từ vùng đất cao xuống trong các trận mưa theo mùa và tụ đọng trong trầm tích của các ao hồ vùng đất cao. Vẫn cần điều tra hơn nữa nhằm khẳng định tình hình chất dioxin có thể đã được chuyển dịch theo cách này.

Chính phủ Việt Nam đã xác định ba điểm nóng ưu tiên cần được giảm nhẹ ngay và/hoặc tẩy sạch, đó là những nơi vốn là sân bay được sử dụng trong "Chiến dịch Ranch Hand" của Mỹ tại Đà Nẵng, Biên Hòa và Phù Cát. Tất cả ba sân bay này đều được phát hiện có mức độ dioxin vượt quá tiêu chuẩn cho phép của Việt Nam là 1.000 ppt TEQ đối với đất và 150 ppt TEQ đối với trầm tích ở các khu vực công nghiệp. Cũng cần tiến hành xét nghiệm thêm để xử lý mức nhiễm dioxin tiềm tàng tại khoảng 25 nơi vốn là cơ sở của Mỹ, như được thể hiện trong bảng dưới đây.

a. Khắc phục dioxin tại Đà Nẵng, Biên Hòa và Phù Cát

Những điểm nóng dioxin ưu tiên tại những nơi vốn là căn cứ quân sự Mỹ trong giai đoạn giảm nhẹ hiện nay

Địa điểm	Sân bay Đà Nẵng	Sân bay Biên Hòa	Sân bay Phù Cát
Mô tả	• Nằm tại thành phố Đà Nẵng,	• Nằm tại thành phố Biên Hòa, về	• Nằm tại khu vực nông thôn

[2] Mức độ dioxin cao hơn trong chất độc Đỏ tía, Hồng và Xanh Lá cây sử dụng trước năm 1965.

	miền Trung Việt Nam, trong một thành phố có mật độ dân số cao và dân số là 900.000 • Các khu lân cận: Thanh Khê, dân số 174.557; Cẩm Lệ, dân số 87.691; Hải Châu, dân số 189.561. • Là căn cứ chính của Chiến dịch Ranch Hand (1964-1971) • Là điểm Pacer Ivy (tháng 4/1970- tháng 3/1972) • Xử lý hơn 2,9 triệu gallon chất độc Da cam • Hiện là sân bay quốc tế, cũng là căn cứ quân sự của Việt Nam. • Các hồ ao trong căn cứ từng lúc này lúc khác được dùng để nuôi cá, ngan vịt và trồng sen.	phía tây bắc thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, với số dân khoảng 700.000. • Các khu lân cận: Trung Dũng và Tân Phong • Là căn cứ chính trong Chiến dịch Ranch Hand (1966-1971) • Là điểm Pacer Ivy (tháng 12/1971- tháng 3/1972) Xử lý hơn 5,4 triệu gallon chất độc Da cam tại căn cứ • Hai lần tràn qui mô lớn tại bồn chứa 66.000 gallon chất độc Da cam • Các hồ ao trong căn cứ từng lúc này lúc khác được dùng để nuôi cá, ngan vịt. • Hiện là một căn cứ của Không quân Việt Nam.	tỉnh Bình Định ở duyên hải miền Trung Việt Nam. • Các khu lân cận: Huyện Phù Cát với số dân 188.042 • Là căn cứ trong Chiến dịch Ranch Hand (1968 – 1970) và là điểm Pacer Ivy. • Xử lý hơn 3,5 triệu gallon chất độc Da cam • Hiện là một căn cứ của Không quân Việt Nam
Nhiễm dioxin **a. Hatfield/ C33 2009** **b. Hatfield/ C33 2011** **c. C33/UNDP 2009** **d. VRTC** **e. UNDP/VNDL**	• Đất khu vực trộn hóa chất 858 -161.000 ppt TCDD[a] • Trầm tích hồ Sen: 61 – 6.240 ppt TCDD[a] • Pacer Ivy: • Mỡ cá hồ Sen tới mức 7.920 ppt TCCD[a] • Trên 20 pg/g TCDD trong cá ở hồ B và hồ Tây sân bay[a] • 1.150 ppt trong máu người làm việc tại sân bay[a]	• Khu vực chứa (Z1) trước khi tiến hành giảm nhẹ: Cao tới mức 5 triệu ppt[d] • Khu vực chứa sau khi xây dựng xong hố chôn lấp • Pacer Ivy: 61,400 ppt[b] • Các hồ ao Pacer Ivy: - 5.970 pg/g trọng lượng khô[b] • Cá: 4 - 4.040 ppt TCDD[b] • Máu người: 19,3 – 2.020 pg/g[b] • Cũng phát hiện thấy thạch tín có khả năng từ chất độc Xanh Da trời, cho dù vẫn chưa rõ đây có phải là một mối đe dọa đối với sức khỏe công chúng hay không.	• Bãi chứa trước kia (Z3) lên tới 236.000 ppt TCDD.[c] • Phía cuối nguồn bãi chứa: 1.760 – 16.000 ppt TCDD[c] • Khu vực vành đai Z3 0,50 – 2.890 ppt TCDD • Điểm mới do Phòng Thí nghiệm dioxin Việt Nam xét nghiệm N.D – 89.879 ppt TEQ[e] • Điểm Pacer Ivy:
Công tác giảm nhẹ cho đến nay:	• Đã xây tường bao quanh sân bay • Đã cấm đánh bắt cá tại hồ ao • Đã phủ kín những nơi trước đây trộn & chứa hóa chất • Đã xây dựng các hố chôn trầm tích trong các hào thoát nước • Đã hoàn tất Đánh giá Tác động Môi trường (EIA) đối với việc hấp thụ nhiệt tại chỗ (IPTD) • Bộ Quốc phòng Việt Nam đã dọn sạch vật liệu chưa nổ • Cục Bảo vệ Môi trường Mỹ (EPA)/Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã tiến hành thí điểm việc khắc phục dioxin bằng biện pháp sinh học (2009 – 2012). Đã thành công trong việc giảm mức TCDD xuống dưới 1.000 ppt	• Đã bốc 94.000 m^3 đất từ khu vực chứa Z1 đi và chôn trong một bãi chôn an toàn trong thời gian 2006-2009. • Điểm chứa Z1 đã được phủ bằng bê tong và đã có hào thoát nước. • Đã cấm đánh bắt cá và nuôi ngan, vịt tại hồ, ao trong khu sân bay. • Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam đang xử lý 3.400 m^3 đất ở Z1 bằng biện pháp sinh học • Đang thử nghiệm công nghệ MCD nghiền bi (của Niu Di-lân) đối với 100 m^3 • Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai đang quan trắc sự di chuyển của dioxin	• Dự án GEF của UNDP – Bộ Tài nguyên và Môi trường đang được triển khai nhằm xây dựng một hố chôn an toàn để chứa 2000 m^2 đất nhiễm độc từ vùng Z3 • Đã làm xong các hào thoát nước để kiểm soát luồng chảy dioxin trong các bồn chứa lắng cặn. • Đã hạn chế việc ra vào sân bay.
Nhu cầu giảm nhẹ trong tương lai	• USAID trao cho Terra Therm hợp đồng để làm IPTD đối với 77.400 m^3 đất/trầm tích • Đất và trầm tích bị nhiễm	• Cần phải xét nghiệm thêm (tới 3.000 mẫu) để xác định được các thông số của các điểm nóng dioxin. • Đã tiến hành Đánh giá Tác động	• Cần phải xét nghiệm thêm để khẳng định được các thông số về các điểm nóng dioxin

	dioxin sẽ bị bốc đi và khử độc xuống dưới 1.000 ppt trong đất và 150 ppt trong trầm tích theo hai giai đoạn. • Dự án sẽ bắt đầu vào tháng 8/2012 và dự kiến kết thúc vào năm 2016.	Môi trường (EIA) và xây dựng kế hoạch khắc phục để khắc phục ít nhất 100.000 m^3 đất và trầm tích. • Những công nghệ đang được xem xét bao gồm IPTD, hố chôn thải thụ động, khắc phục bằng biện pháp sinh học, và xóa bỏ bằng cơ-hóa học • Xây dựng các hàng rào nhằm bảo vệ cư dân địa phương khỏi các điểm nóng dioxin.	• Đang xem xét việc tiêu hủy cơ-hóa học (công nghệ lăn bi) như một công cụ giảm nhẹ. •
Dự tính chi phí tẩy độc	Tổng: 44,35 triệu USD 42,1 triệu USD từ USAID 2,25 triệu USD từ Chính phủ Việt Nam.	Tổng số 85 triệu USD	Tổng số: 5 triệu USD

b. **Dioxin tại các căn cứ khác**

Ngoài ba điểm nóng dioxin ưu tiên trên đây, còn có một số nơi vốn là căn cứ quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam còn những mức độ tồn dư dioxin đe dọa sức khỏe của công chúng. Điều tra tại Thung lũng A Lưới năm 1994-1999 của Ủy ban 10-80 thuộc Bộ Y tế và Hatfield đã xác định khu sân bay A So trước kia là một điểm nóng dioxin. Từ năm 2002 đến năm 2005, Ủy ban 10-80 thuộc Bộ Y tế và các chuyên gia tư vấn của Hatfield đã đánh giá tình hình tại 2.735 nơi trước đây là căn cứ. Ngoài ba điểm chủ yếu tại Đà Nẵng, Phù Cát và Biên Hòa và điểm A Sò trước đây, họ còn phát hiện thấy 30 điểm nữa, được liệt kê trong bảng dưới đây.

	Tỉnh	Những điểm nóng dioxin tiềm tàng - Hatfield (2005)	Mức độ rủi ro của điểm nóng
1	Đà Nẵng	Sân bay Núi Ngọc	Nghi ngờ
2		Cơ sở chứa An Đông	Nghi ngờ
3		Cơ sở Cảng Tiên Sa	Thấp
4	Bình Định	Cơ sở chứa đạn dược Qui Nhơn	Thấp
5		Tổng kho Long Mỹ	Thấp
6	Đồng Nai	Tổng kho Long Bình	Thấp
7		Sân bay Xuân Lộc	Thấp
8	Quảng Trị	Sân bay Tà Cơn	Chưa rõ
9	Thừa-Thiên- Huế	Sân bay A Sầu [huyện A Lưới]	Cao
10		Bãi thải Hồ Khê Lợi	Chưa rõ
11		Sân bay Phú Bài	Chưa rõ
12	Quảng Nam	Sân bay Chu Lai	Nghi ngờ
13	Kon Tum	Sân bay Đắk Tô 2	Nghi ngờ
14		Sân bay Đắk Tô 1	Thấp
15	Gia Lai	Sân bay Plây ku	Nghi ngờ
16		Xã Ia Bang (trung tâm Plây ku)	Thấp
17		Hồ Biên Hô (cách Plây ku 5 km)	Thấp

18		Sân bay khu vực Plây ku (Trại Holloway)	Thấp
19		Plây ku/An Khê Tổng kho chứa POL	Thấp
20	Phú Yên	Nam sân bay Tuy Hòa	Nghi ngờ
21		Bắc sân bay Tuy Hòa	Thấp
22	Đắk Nông	Sân bay Nhơn Cơ	Nghi ngờ
23	Khánh Hòa	Sân bay Vịnh Cam Ranh	Nghi ngờ
24		Sân bay Đông Ba Thìn	Thấp
25		Sân bay Nha Trang	Nghi ngờ
26	Ninh Thuận	Sân bay Phan Rang	Nghi ngờ
27	Biên Phước	Sông Bé/Sân bay Núi Bà Rá	Thấp
28	Tp Hồ Chí Minh	Sân bay Tân Sơn Nhứt	Nghi ngờ
29	Cần Thơ	Sân bay quân sự Cần Thơ	Nghi ngờ (cao)
30	Cà Mau	Sân bay Bạc Liêu	Chưa rõ

Xin xem hồ sơ Google Earth tại www.aspeninstitute.org/policy-work/agent-orange/ để biết tọa độ bản đồ đối với từng địa điểm trên đây.

Mỗi điểm nóng dioxin này cần được rà soát lại, sắp xếp ưu tiên và vô hiệu hóa chất độc. Trong lúc tạm thời, cần thực hiện 'các biện pháp mềm' nhằm giảm tình trạng phơi nhiễm tại tất cả các điểm nóng tiềm tàng đã được xác định. Các biện pháp này bao gồm việc cấm đánh bắt cá và canh tác nông nghiệp tại những điểm trước đây là căn cứ quân sự Mỹ; hạn chế các nhân viên quân sự và công chúng nói chung tiếp cận tất cả những điểm nhiễm độc; niêm yết các biển báo 'Không được đánh bắt cá/làm nông nghiệp' xung quanh những điểm nghi ngờ nhiễm độc; và tiến hành các chiến dịch nhận thức công chúng tại các xã phường lân cận.

c. Khả năng kết tụ dioxin tại các ao và hồ chứa nước vùng cao

Các chuyên gia Việt Nam nghi rằng có những nơi ở Việt Nam còn dioxin kết tụ trong trầm tích tại các ao và hồ chứa nước vùng cao ở những vùng bị phun rải nhiều. Theo phân tích của FIPI tiến hành năm 2010, tất cả các điểm Biên Phước, Đồng Nai, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế và Tây Ninh đều có các hồ chứa nước tại những vùng bị phun rải. Một số vùng bị phun rải có nhiều diện tích sông hồ, như Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Bình Phước và Quảng Trị. Cần xác định những điểm có thể tập trung dioxin tại các nơi này thông qua các dữ liệu viễn thám và các dữ liệu thứ cấp sẵn có; thu thập và xét nghiệm các mẫu; đề ra tiêu chí và sắp xếp thứ tự ưu tiên đối với các ao và hồ chứa nước vùng cao bị nhiễm độc dioxin để tiến hành tẩy độc.

d. Lập tư liệu về công nghệ khắc phục bằng biện pháp sinh học

Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ đã thử nghiệm thành công một công nghệ khắc phục bằng biện pháp sinh học tại sân bay Đà Nẵng và sau đó đã làm lại

những thử nghiệm này trên qui mô rộng hơn tại Biên Hòa. Các cuộc thử nghiệm tại Biên Hòa cho thấy rằng dioxin có thể giảm xuống các mức không đáng kể trong thời gian 27 tháng. Việc khắc phục bằng biện pháp sinh học là một phương pháp công nghệ chi phí thấp có thể được áp dụng trong việc tẩy độc tại một số trong những điểm nhiễm dioxin ít nóng hơn, ví dụ tại nơi trước kia là sân bay A So tại A Lưới.

2. NÂNG CẤP CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI LỒNG GHÉP CHO NGƯỜI TÀN TẬT Ở CÁC TỈNH TRƯỚC ĐÂY LÀ MỤC TIÊU CỦA CHẤT ĐỘC DA CAM

a. Sắp xếp thứ tự ưu tiên đối với những tỉnh trước đây là mục tiêu của chất độc Da cam trên cơ sở các ước tính tốt nhất đã nhận được ở mỗi tỉnh về dioxin

Khó có thể biết được bao nhiêu cư dân đang sống tại những vùng bị phun rải nặng ở Việt Nam đã từng sống tại những vùng đó trong thời gian chiến tranh hoặc có cha mẹ hoặc ông bà từng sống ở đó vào thời gian đó. Sự vận động của dân cư trong và sau chiến tranh có thể đã dẫn tới việc một số người bị nhiều lần phơi nhiễm chất diệt cỏ độc hại, trong lúc những người khác lại không hề bị phơi nhiễm chút nào. Do vậy, không thể làm một phép tính tương quan đơn giản giữa những người hiện nay đang sống tại một nơi từng bị phun rải nặng với tỉ lệ cao hơn về các điều kiện liên quan chất độc Da cam hoặc tỉ lệ cao hơn về tàn tật và dị tật bẩm sinh có thể liên quan tới việc phơi nhiễm dioxin thực sự. Dẫu vậy, tại những nơi từng bị phun rải nặng, ta cần thấy trước dân thường và binh sĩ trong chiến tranh có nhiều khả năng dính trực tiếp tới chất diệt cỏ và nhiều khả năng bị tác động tiêu cực tới sức khỏe.

Bảng sau đưa ra dự toán những vùng bị phun rải chất diệt cỏ chứa dioxin trong thời gian từ 1961 đến 1971, và số lượng dioxin phun rải tại mỗi tỉnh. Bảng này dựa trên số liệu do bà Jeanne Stellman và đồng nghiệp tại trường Đại học Columbia, Mỹ thu thập về đường phun rải chất diệt cỏ và chu vi phun rải tại các căn cứ quân sự. Các số liệu được sử dụng để cho ra dự tính số lượng chất diệt cỏ nhiễm dioxin đã được phun rải theo biên giới các tỉnh theo hiện trạng của năm 1996. Dung lượng được phun rải theo tỉnh cho dự tính tỉ lệ phần trăm tại mỗi tỉnh bị phun rải. Sử dụng dự tính thấp hơn mức độ ô nhiễm dioxin 3 phần tỉ, thì lượng dioxin theo tỉnh được tính toán ở mức .022kg dioxin trên 1km2. Một số tỉnh trước kia là tỉnh độc lập tại thời điểm 1996 đã được liệt kê trong cùng bảng này.

Công việc vẫn đang tiến triển để xác định tiếp các vùng ở Việt Nam mà trước đây bị tác động nặng nề nhất và là những nơ có khả năng con người bị phơi nhiễm nhất. Phân tích kỹ càng này sẽ được đăng tải lên trang web này vào giữa 2012 http://www.columbia.edu/~jms13. Nhóm Đối thoại tin rằng phân tích này sẽ bổ ích trong việc ưu tiên hóa các khu vực xây dựng các chương trình y tế và cho người khuyết tật giải quyết các nhu cầu của những người có thể liên quan đến việc phơi nhiễm dioxin.

Tỉnh	Dân số 2009 (nghìn người)	Tổng diện tích (km²)	Tổng diện tích bị phun rải (km²)	Tỉ lệ diện tích bị phun rải trong tổng diện tích (%)	Tổng lượng dioxin đọng lại tại tỉnh (kg)	Mật độ dân số 2009 (người/ km2)	Khối lượng phun rải (gallon)

Đồng Nai	2.569,40	5.905	2.413	40,9	53,09	435	1.785.897
Bình Phước/Bình Dương	2.513,30	9.578	2.317	24,2	50,97	262	1.714.609
Thừa thiên- Huế	1.090,90	5.065	1.244	24,6	27,39	215	920.497
Kon Tum	443,40	9.691	1.106	11,4	24,33	46	818.340
Tây Ninh	1.075,30	4.036	933	23,1	20,56	266	690.160
Cà Mau/Bạc Liêu	2.070,90	7.916	902	11,4	19,84	262	667.579
Quảng Nam/Đà Nẵng	2.351,00	11.696	899	7,7	19,78	201	665.431
Thành phố Hồ Chí Minh	7.396,50	2.099	853	40,6	18,76	3.524	631.673
Quảng Trị	600,50	4.760	828	17,4	18,22	126	613.062
Bình Đinh	1.489.70	6.040	609	10,1	13,4	247	450.817
Đắk Lăk/Đắc Nông	2.265,00	19.656	604	3,1	13,29	115	446.642
Bình Thuận	1.176,90	7.837	556	7,1	12,23	150	411.127
Gia Lai	1.300,90	15.537	550	3,5	12,10	84	407.110
Lâm Đồng	1.204,90	9.776	424	4,3	9,33	123	313.773
Bà Rịa/Vũng Tàu	1.012,00	1.990	402	20,2	8,84	509	297.455
Bến Tre	1.256,70	2.360	302	12,8	6,64	532	223.471
Phú Yên	868,50	5.061	291	5,8	6,40	172	215.339
Long An	1.446,20	4.494	289	6,4	6,36	322	213.737
Quảng Ngãi	1.218,60	5.153	254	4,9	5,59	236	188.071
Trà Vinh	1.005,90	2,295	242	10,5	5,32	438	179.011
Khánh Hòa	1.167,70	5.218	190	3,6	1,98	224	140.765
Ninh Thuận	570,10	3.363	161	4,8	3,54	170	119.350
Sóc Trăng	1.300,80	3.312	79	2,4	1,74	383	58.145

Kiên Giang	1.703,50	6.348	55	0,9	1,21	268	40.784
Cần Thơ/Hậu Giang	1.955,70	3.003	42	1,4	0,92	651	31.308
Tiền Giang	1.677,00	2.484	39	1,6	0,86	675	29.030
Vĩnh Long	1.026.5	1.479	17	1,1	0,37	695	12.683
Đồng Tháp	1.670,50	3.376	17	0,5	0,37	495	12.699
Quảng Bình	849,30	8.065	5	0,1	0,11	105	3.800
An Giang	2.149,5	3.406	1	0,0	0,01	631	345

Nguồn:
Tổng cục Thống kê, Điều tra dân số 2009 của Việt Nam
Bản đồ Hành chính Việt Nam 2009
Stellman, J.M. et al. "Mức độ và Mẫu sử dụng Chất độc Da Cam và các chất điệt cỏ khác tại Việt Nam," tạp chí Nature, Tập 422, ngày 17/4/2003 và trao đổi cá nhân với các tác giả.

b. Người khuyết tật

Cho tới nay, chưa có các cuộc khảo sát toàn diện về người khuyết tật ở Việt Nam. Cuộc điều tra dân số năm 2009 ở Việt Nam đặt câu hỏi liệu những người trong gia đình từ 5 tuổi trở lên có khó khăn gì về thị lực, thính giác, vận động hoặc nhận thức hay không, và phát hiện thấy khoảng 7,8% dân số Việt Nam (85.847.000), tức là khoảng 6,1 triệu người, bị một loại khuyết tật trở lên. Con số tỉ lệ này khác nhau nhiều giữa vùng này với vùng khác và giữa tỉnh này với tỉnh khác. Tuy nhiên, trong số 10 tỉnh bị phun rải nặng nhất, một số tỉnh có tỉ lệ người bị khuyết tật cao nhất cả nước.[3] Trong lúc không thể khẳng định được liệu điều này có phải do việc sử dụng nhiều chất diệt cỏ nhiễm chứa dioxin ở các vùng này hay không, thì rõ ràng là cho dù nguyên nhân là gì chăng nữa, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng và Quảng Ngãi nằm trong số những tỉnh ở Việt Nam có tỉ lệ cao dân số bị khuyết tật, nhất là những người "không có khả năng" về thị lực, thính lực, vận động hoặc nhận thức.

Nghèo

Mới có rất ít đánh giá toàn diện về tình hình kinh tế-xã hội của người khuyết tật. Số ít đánh giá đó lại hạn chế về qui mô và thường thường chỉ để đáp ứng yêu cầu cụ thể của từng tổ chức hoặc cơ quan riêng rẽ. Dẫu vậy, các đánh giá đó cũng đã cung cấp được ít nhiều cái nhìn có chiều sâu vào nhu cầu

[3] Xem bảng tỉ lệ người khuyết tật của tỉnh và toàn quốc trong điều tra của Việt Nam năm 2009, trang 30

của người khuyết tật ở Việt Nam, kể cả những người được tin rằng đang chịu tác động của chất độc Da cam/dioxin. Năm 2006 Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội đã tiến hành một cuộc khảo sát về người khuyết tật ở Thái Bình, Quảng Nam/Đà Nẵng và Đồng Nai. Họ đã thấy rằng nhìn chung những gia đình có người khuyết tật đều nghèo hơn, nhà cửa nhiều khả năng không được tử tế (tạm bợ hoặc bán kiên cố) với trang thiết bị kém cỏi hơn (nhà vệ sinh sơ sài hoặc không có nhà vệ sinh, bếp đun củi chứ không có điện/ga) và những gia đình này có ít những của nả như xe máy, tủ lạnh và ti-vi.

Không có gì ngạc nhiên khi họ phát hiện ra rằng xu hướng của những gia đình có NKT là có mức thu nhập hàng năm thấp hơn (tức là 3,1 triệu VND so với 4,6 triệu VND ở Quảng Ngãi/Đà Nẵng). Thường thường, tình trạng này là do một trong những người có thu nhập của gia đình phải ở nhà để trông nom NKT. Tình hình sức khỏe nói chung của cả gia đình đều kém hơn, không chỉ đối với NKT mà cả đối với các thành viên khác trong gia đình nữa. Họ cũng phát hiện thấy rằng các gia đình có NKT thường ở xa những cơ sở hạ tầng như trạm xá, trường học và chợ.

Cuộc khảo sát thấy rằng NKT ít khả năng được tới trường hơn (khoảng một phần ba ở Quảng Nam và Thái Bình và gần một nửa ở Đồng Nai chưa bao giờ được tới trường), nhất là phụ nữ. Những người được tới trường lại chỉ học hết tiểu học hoặc trung học cơ sở. Chưa đến 10% NKT trong diện khảo sát được học tới trung học và chưa đến 1 % được tới cao đẳng hoặc đại học. Những người được xếp loại bị tác động của chất độc Da cam lại càng ít khả năng được tới trường hơn. Hơn nữa, từ 25% đến 35% người khuyết tật hiện đang có việc làm, khoảng một phần ba vốn đã có việc làm nhưng không còn làm việc nữa do khuyết tật của mình. Về học vấn, NKT là nữ ít có khả năng được làm việc hơn NKT là nam giới, chỉ có 19% NKT là nữ ở Đồng Nai làm việc và chỉ có 27% ở Quảng Nam/Đà Nẵng. Trong số những nguyên nhân chủ yếu, ISDS thấy rằng NKT không tới trường do gặp khó khăn trong học tập, không có khả năng giao tiếp với thày cô và bạn học, và thiếu phương tiện đi lại.

Những phát hiện này cũng tương tự như một đánh giá của Bộ LĐ, TB và XH thực hiện năm 2005 ở tám tỉnh Quảng Ninh, Hòa Bình, Hà Tây, Thanh Hóa, Quảng Nam, Đắc Lắc, Đồng Nai và thành phố Cần Thơ. Bộ LĐ, TB và XH thấy rằng chỉ có 25% - 30% người bị khuyết tật có việc làm. Một phần ba số hộ gia đình có một người bị khuyết tật sống dưới mức nghèo khổ và chỉ 11% hộ gia đình có NKT có đủ tiền để có một ngôi nhà kiên cố. Bộ LĐ, TB và XH cũng thấy rằng 41% NKT trên 6 tuổi bị mù chữ và chỉ 19,5% đi học trên cấp trung học cơ sở. Hơn nữa, Bộ LĐ, TB và XH phát hiện thấy rằng 70% - 80% NKT ở thành thị phụ thuộc vào gia đình hoặc trợ giúp xã hội, còn 65% - 70% NKT nông thôn cần có sự trợ giúp này.

Giáo dục

Để được học hành và đào tạo hướng nghiệp là một trong những trở ngại lớn nhất đối với NKT ở Việt Nam. Việt Nam đang phấn đấu có một nền giáo dục hòa nhập phổ cập vào năm 2015. Nhưng còn rất nhiều việc cần làm. Một số vấn đề có thể lập tức được giải quyết khi có đủ những nguồn lực để tạo khả năng tới trường, cung cấp thiết bị và tài liệu thích nghi, hỗ trợ những giáo cụ, học cụ bán chuyên nghiệp cho các cháu bị khuyết tật nghiêm trọng hơn, và cung cấp phương tiện tới trường.

Tuy nhiên, cần phải làm rất nhiều để xây dựng được những bộ sách giáo khoa linh hoạt đáp ứng được yêu cầu cụ thể của từng cháu và đào tạo được những thày cô giáo dục đặc biệt. Hơn nữa, còn cần xử lý những vấn đề về tình trạng kỳ thị và phân biệt đối xử trong lớp học. Theo Viện Nghiên cứu Phát

triển Xã hội (ISDS), tròng ghẹo và thái độ phân biệt đối xử của giáo viên là một yếu tố gây ra tỉ lệ bỏ học, lên tới mức cao 13,6% đối với các cháu ở Thái Bình. 23% học sinh thuộc diện này ở Thái Bình còn theo học cho biết bị bạn học tròng ghẹo về khuyết tật của mình, còn ở Quảng Nam/Đà Nẵng là 15% học sinh. Những vấn đề tương tự cần được xử lý tại các chương trình đào tạo hướng nghiệp để làm cho các chương trình này có khả năng tiếp cận được và có hiệu quả trong việc đào tạo và đảm bảo bố trí được việc làm tốt cho NKT ở Việt Nam.

Chăm sóc sức khỏe

Những cơ sở chăm sóc sức khỏe tại những vùng bị phun rải nặng nề đều yếu. Những người bị khuyết tật về thể chất cần đến các trung tâm phục hồi chức năng, các nhà vật lý trị liệu có đào tạo, các nhà trị liệu nghề nghiệp và các nhà bệnh lý học khẩu ngữ. Trong số năm địa phương có tỉ lệ người khuyết tật cao – Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, và Đà Nẵng – chỉ có vẻn vẹn ba bệnh viện nhà nước về phục hồi chức năng/điều dưỡng thuộc Sở Y tế, với tổng số 210 giường. Mặc dù có một số dịch vụ phục vụ chức năng và phương tiện phẫu thuật chỉnh hình tại một số bệnh viện tỉnh và huyện, những nguồn lực này còn hạn chế và nhiều cán bộ nhân viên chưa được đào tạo đầy đủ để xử lý nhu cầu của NKT. Hơn nữa, ngay cả khi có các dịch vụ này, thì việc thiếu phương tiện đi lại và thiếu xe lăn đã khiến nhiều người, nhất là những người sống ở nông thôn, khó có thể nhận được những dịch vụ này.

Việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em dưới 6 tuổi và những người được xếp loại nghèo là miễn phí. Nhưng có tới 30% gia đình có trẻ em khuyết tật đã không tìm đến chăm sóc y tế cho con mình. Nhiều cha mẹ có tới bác sĩ khi khuyết tật phát sinh thì được trả lời rằng chẳng thể làm gì được. Trong lúc câu trả lời này có thể là đúng đối với một số cháu, thì còn có nhu cầu xây dựng một hệ thống chuyển tiếp có hiệu quả để các gia đình này có thể được chuyển lên các trung tâm cấp huyện, tỉnh hoặc khu vực để được chuẩn đoán và điều trị chuyên biệt hơn ngay khi khuyết tật phát sinh.

Phối hợp các dịch vụ

Một trong những khó khăn chính trong việc xử lý nhu cầu của những người được cho là chịu tác động của chất độc Da cam/dioxin và đối với NKT nói chung là ở chỗ thường thường những hỗ trợ về y tế, giáo dục, sinh kế và các hỗ trợ khác mà họ cần đều được "kê đơn" một cách riêng rẽ với nhau. Một cơ quan chính phủ, một tổ chức xã hội hoặc một tổ chức phi chính phủ nước ngoài thường chỉ xử lý một trong số các nhu cầu khác nhau chứ không có cách tiếp cận tổng thể. Thông thường, đây là vấn đề nguồn lực và năng lực có hạn hoặc có thể do chức năng, nhiệm vụ rất hạn hẹp. Những ban phối hợp cấp tỉnh và huyện bao gồm Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở LĐ, TB và XH, Hội Chữ thập đỏ, Hội Nạn nhân chất độc Da cam, các tổ chức quốc tế và trong nước, và các cơ quan chức năng khác có thể điều phối tốt hơn việc cung cấp các dịch vụ. Hệ thống chăm sóc của tổ chức Hi vọng Trẻ em Việt Nam (xem dưới đây) cho thấy những kế hoạch chăm sóc riêng rẽ có thể được xây dựng và triển khai thực hiện theo nhu cầu của từng cá nhân bị khuyết tật.

Về những chương trình hoạt động được khuyến nghị, đề nghị xem Chương trình Hành động của Nhóm Đối thoại

3. TĂNG KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CỦA VÙNG ĐẤT BỊ TÀN PHÁ

Khoảng 14%, tức là khoảng 2,6 triệu hec-ta, đất đai miền Nam Việt Nam bị phun rải ít nhất một lần trong 10 năm thực hiện Chương trình Ranch Hand. Tại những vùng rừng đất cao và nội địa từng bị phun rải chỉ một lần, khoảng 10% cây cối đã chết và đa số đã được phục hồi trong vụ tiếp theo. Tuy nhiên, tại những nơi bị phun rải nhiều lần, rừng đã bị tàn phá đáng kể. Các trận bom, hỏa hoạn và việc chặt hạ cây cối đã bị rụng lá cũng góp phần tàn phá khoảng 20% rừng đất cao của miền Nam Việt Nam trong thời gian chiến tranh. Ngoài ra, khoảng 50% cây ngập mặn dọc theo bờ biển đã bị chất diệt cỏ tàn phá hoàn toàn.

Sau chiến tranh, người Việt Nam đã bắt đầu nỗ lực trồng lại cây ngập mặn ven biển ở khu vực Cà Mau và Cần Giờ, và những nơi này hiện nay đã được trồng lại, mặc dù một vài nơi lại đang đứng trước mối đe dọa bị ảnh hưởng do công nghiệp hóa và nuôi trồng thủy sản. Để ngăn chặn tình trạng xói mòn, bảo vệ khu vực đầu nguồn và cung cấp sinh kế, nhiều khu vực rộng lớn gồm một loại cây bạch đàn và cây keo đã được trồng ở những nơi rừng bị phá nặng nề.

Đã học hỏi được nhiều điều về những nỗ lực tái trồng rừng thuở ban đầu này, và người Việt Nam hiện nay đang tập trung vào các cách thức phục hồi những vùng đất bị tàn phá, đồng thời có tính đến đa dạng sinh học, sự cần thiết phải có các hành lang xanh và những cánh rừng được bảo vệ, tình trạng ấm lên toàn cầu, và sự phát triển kinh tế của các vùng cao. Các chuyên gia lâm nghiệp Việt Nam suốt mấy thập kỷ qua đã cố gắng đưa những giống cây bản địa trở lại trồng tại các khu vực thuộc rừng Mã Đà của tỉnh Đồng Nai vốn dĩ bị triệt phá nặng nề. Trước chiến tranh, vùng Mã Đà từng có cánh rừng rậm rạp bốn mùa xanh tươi trên diện tích 114.470 hec-ta, còn vùng đất không có cây cối rộng khoảng 37.000 hec-ta trong khu vực. Hơn 1,6 triệu gallon chất diệt cỏ đã trút xuống khu vực này. Sau chiến tranh, hơn một nửa diện tích rừng Mã Đà đã bị phá hủy, và phần rừng còn lại chỉ thuộc loại chất lượng trung bình hoặc thấp. Vùng đất không có cây cối với cỏ hoang lan tràn đã tăng lên suýt soát 99.000 hec-ta.

Những nỗ lực đầu tiên tái trồng rừng Mã Đà bằng các loại cây thiết mộc chất lượng cao đã thất bại do cây giống bị chết dưới ánh nắng mặt trời nhiệt đới nóng bức. Những người trồng rừng Việt Nam đã học được rằng bằng cách trồng một vụ cây keo và bạch đàn che bóng mát ở Mã Đà, sau ba năm, họ đã có thể đưa trồng trở lại giống cây sao dầu bản địa. Do khu vực này dần được tái trồng rừng theo thời gian, chim chóc và các động vật đã trở lại vùng rừng này, và điều đó cũng giúp tái trồng rừng tự nhiên thông qua việc phổ biến hạt giống từ những giống cây được tái trồng. Mặc dù tốn kém và mất nhiều lao động, việc phục hồi rừng Mã Đà đã trở thành một ưu tiên của Chính quyền trung ương và tỉnh ở Việt Nam nhằm bảo vệ các vùng đầu nguồn của hồ chứa nước cung cấp nước ngọt cho 10 triệu dân; giảm tác động của công nghiệp hóa ở khu vực thành phố Hồ Chí Minh mở rộng thông qua việc sản sinh ra hơn 3,2 triệu tấn ô-xy mỗi năm; và khôi phục đa dạng sinh học và bảo tồn ở vùng hạ lưu sông Đồng Nai.

Những bài học thu được từ Mã Đà sẽ được sử dụng để giúp nâng cao chất lượng rừng ở khu vực A Lưới của Việt nam, vốn là một khu vực cũng bị chất diệt cỏ tàn phá nặng nề. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường Việt Nam (CRES) và Viện Điều tra và Quy hoạch Rừng đã làm việc với Chính phủ Việt Nam để xây dựng một kế hoạch biến Thung lũng A Lưới thành một "phòng thí nghiệm" xử lý tác động của chất độc Da cam/dioxin đối với sinh thái.

Ẩn sau những nỗ lực này là sự cần thiết nâng cao nhận thức về chất độc Da cam và những bước đi cần thiết nhằm khôi phục những khu rừng đã bị suy thoái cho cán bộ và nhân dân địa phương ở những tỉnh mà rừng bị tàn phá nặng nề. Điều cốt yếu là phải mở rộng công việc mà CRES đã làm ở các tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, mở các khóa tập huấn cho cán bộ quản lý rừng, nhân viên kỹ thuật cấp tỉnh và huyện, và nông dân địa phương. Một khi công việc bắt đầu, cần lưu ý tới những hiểu biết và kĩ năng của những người lao động lâm nghiệp và nông dân địa phương. Chương trình này nên được tiến hành trước hết ở tỉnh Quảng Nam, sau đó ở tỉnh Quảng Ngãi.

Công tác nông-lâm nhằm phục hồi những vùng đất bị chất độc Da cam tàn phá nên tập trung vào huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thung lũng A Lưới đã bị phun rải nặng nề chất diệt cỏ trong thời gian chiến tranh. Thung lũng này nằm liền đường biên giới với Lào là nơi gồm chủ yếu người dân tộc thiểu số, dựa vào rừng làm sinh kế. Năm 2011, CRES đã tiến hành các lớp tập huấn ở A Lưới về tác động của chất độc Da cam và về các phương pháp tái trồng rừng. Bước tiếp theo là lồng ghép những kiến thức học được vào việc phát triển kinh tế và bảo tồn môi trường trong tương lai của khu vực này. Việc này bao gồm xây dựng một kế hoạch sử dụng đất nhằm xác định những khu vực nào trong thung lũng sẽ được sử dụng cho nông nghiệp và chăn nuôi, sẽ được trồng cây để làm rừng sản xuất có sử dụng các giống cây ngắn hạn (bột) hoặc dài hạn (thiết mộc có giá trị), hoặc sẽ được tái trồng và đa dạng hóa nhằm mục đích bảo tồn.

Ngoài ra, cán bộ chính quy địa phương và nông dân có thể được tập huấn về việc lựa chọn những giống vật nuôi và cây trồng hàng hóa thích hợp vì môi trường, lựa chọn những giống cây bản địa nên được đưa trở lại vào thung lũng, và cách thức chăm sóc các giống cây khác nhau, và thời điểm thu hoạch hợp lý để đảm bảo tính bền vững. Hơn nữa, cần thành lập một mạng lưới hỗ trợ người sản xuất và người mua nhằm bảo đảm một thị trường ổn định đối với những nông sản và lâm sản được nuôi trồng tại thung lũng. Vì đất trong khu vực này bị thoái hóa nghiêm trọng do việc sử dụng chất diệt cỏ, dẫn tới xói mòn, dân làng địa phương cần được hỗ trợ trong việc phát triển các hố ủ phân chuồng của riêng mình để sử dụng trong vườn và trong khu vực rừng của mình, giảm tình trạng dựa vào phân bón hóa học. Những chỗ đất nông nghiệp được phát hiện có mức độ dioxin vượt quá tiêu chuẩn quốc gia có thể được xử lý bằng biện pháp khắc phục sinh học và phân chuồng để giảm mức độ nhiễm độc và tăng năng suất. Thung lũng A Lưới gần đây được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam chỉ định là một "Bảo tàng và phòng thí nghiệm về tác động của chất độc Da cam/dioxin". Đối với Mã Đà, những bài học thu được ở đây sẽ giúp xử lý nhu cầu trồng rừng ở những khu vực bị phun rải nặng nề khác của Việt Nam, nhất là những khu vực ở vùng đất cao mà người dân sống dựa vào rừng.

4. XÚC TIẾN QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

a. Các chính sách hiện hành

Hiến pháp Việt Nam qui định người khuyết tật có quyền bình đẳng. Trong những năm qua, nhiều văn bản luật pháp đã giúp xác định rõ hơn các quyền này, ví dụ Bộ luật Lao động (1994), Luật Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em (1996) và Pháp lệnh về Người Khuyết tật (1998). Nghị quyết số 55/NĐ-CP đã phác ra đường hướng cho việc thực hiện một số điều trong Pháp lệnh này, chẳng hạn việc cấp phát trợ cấp hằng tháng cho NKT nghèo, giảm học phí cho NKT, cấp học bổng cho NKT theo học đại học hoặc học nghề; miễn viện phí cho NKT được xếp loại nghèo, và không phân biệt đối xử đối với NKT trong lực lượng lao động.

Tháng 6/2010, Chính phủ Việt Nam thông qua Luật về Người Khuyết tật, cấm phân biệt đối xử và kỳ thị đối với người khuyết tật. Luật này còn xác định rõ hơn quyền của người khuyết tật và vai trò của từng Bộ nhằm bảo đảm quyền của NKT được tôn trọng. Luật mới này yêu cầu sự tham gia bình đẳng trong xã hội, người khuyết tật được tiếp cận sự chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo nghề, việc làm, các hoạt động văn hóa, giải trí và thể thao. Luật cũng yêu cầu để NKT có lối đi trong tòa nhà công cộng, phương tiện giao thông và công nghệ thông tin, và để NKT có nơi trú ngụ hợp lý trong khi được chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo hướng nghiệp, các nơi làm việc và các hoạt động thể thao, văn hóa. Luật đòi hỏi Bộ LĐ-TB và XH phải tiến hành một cuộc khảo sát cơ bản về tình trạng khuyết tật, xây dựng và duy trì một cơ sở dữ liệu về khuyết tật và công bố các báo cáo định kỳ về khuyết tật. Luật mới về khuyết tật đã đi một chặng đường dài để tuân thủ Công ước về Quyền của Người Khuyết tật mà Việt Nam ký năm 2007 nhưng chưa phê chuẩn.

Luật xác định người khuyết tật là: "Người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn". Các dạng khuyết tật theo qui định của Luật bao gồm: Khuyết tật vận động, khuyết tật nghe và nói, khuyết tật nhìn, khuyết tật thần kinh, tâm thần, khuyết tật trí tuệ, và các loại khuyết tật khác.

Mức độ khuyết tật theo qui định của Luật được xác định như sau:

a) Người khuyết tật nặng là người không thể tự phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày;

b) Người khuyết tật vừa là người có thể tự phục vụ một số nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày;

c) Người khuyết tật nhẹ là người khuyết tật không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b.

Luật này bao gồm nhiều qui định mà khi thực hiện sẽ xử lý được nhiều vấn đề mà người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay đang phải đối mặt. Mặc dù Luật yêu cầu phải có ngân sách Nhà nước hằng năm để thực hiện các chính sách nêu trong Luật, vẫn chưa rõ là ngân sách Nhà nước sẽ chi ra bao nhiêu để thực hiện Luật.

Luật yêu cầu Ủy ban Nhân dân thành lập các Hội đồng Xác định mức độ khuyết tật ở cấp xã, phường hoặc thị trấn. Hội đồng bao gồm đại diện của Ủy ban Nhân dân, trạm y tế, cán bộ công tác xã hội, Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ và/hoặc Đoàn Thanh niên, và các tổ chức của người khuyết tật (DPOs). Hội đồng có nhiệm vụ xác định loại khuyết tật và mức độ khuyết tật của cư dân. Một Hội đồng Y khoa sẽ được triệu tập nếu Ủy ban gặp khó khăn trong việc xác định loại khuyết tật và /hoặc mức độ khuyết tật của một cá nhân, và cá nhân hoặc gia đình người đó có quyền khiếu nại quyết định nếu họ không nhất trí với Hội đồng. Tuy nhiên, việc trình đơn xin xác nhận loại và mức độ nghiêm trọng của khuyết tật tùy thuộc vào cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của mình. Những người cố vấn này làm việc như thế nào trong thực tế vẫn còn là một vấn đề chưa rõ ràng.

Luật cũng yêu cầu các trạm y tế phát triển một hệ thống quản lý theo ca đối với người khuyết tật, khám sức khỏe và chữa bệnh cho NKT, tư vấn cho các bậc cha mẹ về việc phát hiện sớm và phòng ngừa khuyết tật, xác định khuyết tật ở trẻ mới sinh nhằm kịp thời chữa trị và phục hồi chức năng. Luật đòi hỏi các cơ sở y tế ưu tiên khám, chữa bệnh cho NKT. Ủy ban Nhân dân có trách nhiệm hình

thành và thực hiện Chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (CBR) hoặc tạo điều kiện cho các tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện CBR tại địa phương mình. Ngoài ra, Nhà nước có trách nhiệm cung cấp kinh phí cho các trạm xá địa phương và đào tạo chuyên gia về chỉnh hình và phục hồi chức năng, đồng thời tài trợ cho công tác nghiên cứu khoa học về các vấn đề khuyết tật.

Luật còn có các qui định đối với giáo dục và đào tạo hướng nghiệp. Điều này bao gồm cả việc cho phép NKT được nhập học ở độ tuổi cao hơn, cấm các trường từ chối tiếp nhận NKT nhập học, cho phép miễn hoặc giảm học phí và cho phép NKT nhận học bổng để trang bị phương tiện và đồ dùng học tập. Luật yêu cầu các trường học phải nâng cấp để bảo đảm điều kiện tiếp cận và cung cấp cho NKT những phương tiện và đồ dùng học tập cần thiết đáp ứng nhu cầu đặc thù của NKT.

Luật yêu cầu lấy giáo dục hòa nhập làm phương pháp được lựa chọn cho trẻ em khuyết tật, theo đó giáo dục lồng ghép và chuyên biệt chỉ được sử dụng khi không thỏa mãn được các điều kiện để triển khai giáo dục hòa nhập. Tuy nhiên, NKT hoặc gia đình họ có thể có tiếng nói về việc loại hình khung cảnh giáo dục nào là thích hợp. NKT cũng có quyền tham dự miễn phí các chương trình đào tạo hướng nghiệp và tư vấn việc làm. Những NKT tự tạo việc làm có quyền được vay vốn với lãi suất ưu đãi và được đào tạo về quản lý kinh doanh và các kỹ năng tiếp thị. Những doanh nghiệp có trên 30% nhân viên là NKT cũng có thể được vay tiền với lãi suất ưu đãi, được giảm tiền thuê nhà và tiền thuê đất, và được miễn thuế thu nhập.

Ngoài ra, Luật về người khuyết tật cũng quy định rằng người khuyết tật nặng và vừa được hưởng trợ cấp hàng tháng, còn những gia đình nào chăm sóc NKT thì được hưởng khoản trợ cấp chăm sóc hàng tháng. Các gia đình có trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng những thành viên trong gia đình mình bị khuyết tật và đảm bảo họ tạo điều kiện cho việc bảo dảm tiếp cận y tế cũng như các quyền và nghĩa vụ khác. Những NKT không có gia đình có quyền được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, và những cơ sở này được nhận sự hỗ trợ và trợ cấp hằng tháng để mua sắm những thiết bị hỗ trợ, trang bị phục hồi chức năng, thuốc men, bảo hiểm y tế và những vật dụng cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày.

Trong lúc Luật về Người Khuyết tật thiết lập cơ sở pháp lý để bảo đảm NKT được có quyền bình đẳng, thì ở cấp độ thực tiễn, còn nhiều việc phải làm để bảo đảm các quyền nói trên được tôn trọng.

5. TĂNG CƯỜNG KĨ NĂNG NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ CỦA CÁC ĐỐI TÁC ĐỊA PHƯƠNG

a. Các nhà cung cấp dịch vụ hiện nay

Tại Việt Nam, có một loạt cơ quan chính phủ và phi chính phủ cung cấp các dịch vụ cho người khuyết tật. Điều này cho ta nhiều lựa chọn, nhưng cũng làm cho việc điều phối khó khan.

Chính phủ

Luật Người Khuyết tật đã chỉ định Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐ-TB và XH) làm cơ quan chủ trì về những vấn đề liên quan tới NKT, có trách nhiệm xây dựng chính sách, tổ chức các chiến dịch truyền thông, biên soạn các dữ liệu về khuyết tật, xây dựng kế hoạch và quản lý những

trung tâm hỗ trợ NKT bao gồm cả các trung tâm phục hồi chức năng, đào tạo chuyên ngành đối với nhân viên và quyết định qui trình cấp phát trợ cấp hàng tháng hoặc hỗ trợ xã hội và phối hợp với các bộ hữu quan khác xử lý các vấn đề về người khuyết tật.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD-ĐT) có trách nhiệm phát triển công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật, thực hiện các chương trình giáo dục chuyên biệt và đào tạo hướng nghiệp, kể cả đào tạo giáo viên và xây dựng chương trình và tài liệu.

Bộ Y tế có trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cho NKT và đào tạo nhân viên về chỉnh hình và phục hồi chức năng, thực hiện các chương trình phòng ngừa khuyết tật và hướng dẫn thực hiện các chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. Bộ Y tế cũng điều hành 44 Trung tâm Phục hồi Chức năng và Nhà An dưỡng trên cả nước.

Bộ Văn hóa có trách nhiệm triển khai thực hiện các qui chuẩn kỹ thuật xây dựng nhằm đảm bảo điều kiện tiếp cận các tòa nhà công cộng, nhà ở chung cư, và các công sở. Bộ Giao thông Vận tải có trách nhiệm này đối với giao thông công cộng.

Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh và huyện có nhiệm vụ thúc đẩy quyền của NKT và khuyến khích các tổ chức và cá nhân hỗ trợ NKT.

Các tổ chức quần chúng

Hội Nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin Việt Nam (VAVA) tập trung vào những người được tin là bị tác động của chất độc Da cam/Dioxin và hiện nay có chi hội ở hầu hết các tỉnh. VAVA cũng có xu hướng tập trung nỗ lực vào những người ở cận hoặc dưới mức nghèo khổ bằng cách cung cấp trợ cấp hằng tháng, học bổng, hỗ trợ phát triển kinh tế, cải thiện nhà ở và định kỳ tặng tiền và thực phẩm.

Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và Mặt trận Tổ quốc hỗ trợ về kinh tế cho những quần chúng của mình bị đau yếu hoặc khuyết tật. Nhiều thành viên hoạt động tích cực trong các chương trình Phục hồi Chức năng dựa vào Cộng đồng (CBR). Ngoài ra, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cũng hỗ trợ những NKT và người đau yếu thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo. Sự hỗ trợ này có thể dưới dạng thi thoảng tặng tiền và thực phẩm, cấp học bổng, hỗ trợ chăm sóc y tế và phục hồi chức năng, hỗ trợ kinh tế hoặc cải thiện nhà ở. Tất cả các tổ chức này đều có phân, chi hội ở cấp tỉnh, huyện và xã.

Các tổ chức phi Chính phủ (NGO) quốc tế

Có nhiều NGO quốc tế cũng tập trung hoạt động vào việc giải quyết các nhu cầu của NKT, trong đó có tổ chức Dịch vụ Cứu trợ Công giáo, Trẻ em Việt Nam, Deutscher Entwicklungsdienst Việt Nam, Quỹ Đông Tây Hội ngộ, Người Tàn tật Quốc tế, Tình nguyện viên Y tế hải ngoại, PLAN, Ủy ban Y tế Hà Lan – Việt Nam, Quỹ Pearl S Buck, Cứu trợ Trẻ em, Chữ thập đỏ Tây Ban Nha, Tổ chức Hỗ trợ Người Khuyết tật Việt Nam, Quỹ Cựu Chiến binh Mỹ ở Việt Nam, Dịch vụ Tình nguyện Hải ngoại, Dự án Di sản Chiến tranh, Tầm nhìn Thế giới, và Quan tâm Thế giới. Những tổ chức này tập trung vào nhiều loại hoạt động, trong đó có giáo dục hòa nhập và chuyên biệt, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (CBR), hỗ trợ kinh tế và tài chính vi mô, chăm sóc y tế và phẫu thuật đặc biệt, xác định sớm và can thiệp sớm, đào tạo hướng nghiệp và/hoặc bố trí việc làm, xây dựng năng lực của

những người cung cấp dịch vụ và/hoặc các tổ chức của người khuyết tật (DPOs), nâng cao nhận thức, vận động chính sách và xây dựng chính sách. Ngoài ra, có những tổ chức khác tập trung vào một nhóm NKT đặc biệt – những người sống sót sau những tai nạn vật liệu chưa nổ - trong đó có Dự án Renew, Đường quang Quốc tế và Cây Hòa bình Việt Nam. Trong số những tổ chức này, nhiều tổ chức họp định kỳ hằng quý tại Việt Nam như một phần của Tổ Công tác về Người Khuyết tật và/hoặc Tổ Công tác về chất độc Da cam nhằm chia sẻ thông tin về hoạt động của mình, vận động chính sách đối với mảng việc của mình, và xử lý những vấn đề cụ thể xuất hiện trong mảng đó.

Các NGO trong nước và các tổ chức của người khuyết tật (DPOs)

Ngoài ra, trong những năm qua, các tổ chức trong nước cũng đã xuất hiện, trong đó có các tổ chức của người khuyết tật và các nhóm tự lực tập trung vào những nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Trong số các nhóm này, nhiều nhóm do những NKT thành lập và điều hành. Đa số các NGO trong nước đặt trụ sở tại Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, hoặc thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù các DPO và nhiều câu lạc bộ và hiệp hội của người khuyết tật đang được thành lập ở cấp tỉnh và cấp huyện. Một số tổ chức đang cung cấp sự hỗ trợ, trong đó có hỗ trợ về xây dựng năng lực và đào tạo, cấp học bổng và hỗ trợ sinh viên khuyết tật, vận động chính sách và nhận thức, các nhóm hỗ trợ đồng đẳng và cha mẹ, chăm sóc y tế và phục hồi chức năng, hỗ trợ kinh tế, nghiên cứu và phổ biến thông tin về các vấn đề khuyết tật. Các tổ chức này gồm Trung tâm Phát triển Nguồn lực và Năng lực về Người Khuyết tật (DRD) ở thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Tư vấn về Gien và Trẻ em Khuyết tật ở Huế, còn ở Hà Nội có Trung tâm Hành động Phát triển Hòa nhập (IDEA), Nhóm Vì tương lai tươi sáng của người khuyết tật, và Trung tâm Sống Độc lập Hà Nội.

Hơn nữa, còn có nhiều trung tâm và trại trẻ mồ côi của Nhà nước và tôn giáo độc lập dành cho người khuyết tật trên khắp cả nước chăm sóc hàng ngày và chăm sóc toàn phần sinh hoạt cho người tàn tật. Có khoảng 107 trường chuyên biệt ở Việt Nam phục vụ khoảng 7.000 cháu, kể cả các cháu bị tự kỷ, hội chứng "đao" và các khuyết tật phát triển khác. Tuy vậy, hầu hết những NKT cần sự chăm sóc toàn phần hiện nay vẫn do người nhà chăm sóc tại gia đình.

b. Một chương trình mẫu: Hệ thống Chăm sóc Hi vọng của Đà Nẵng

Nhóm Đối thoại đã xem xét và chấp thuận Hệ thống Chăm sóc Hi vọng (HSC) của tổ chức Trẻ em Việt Nam.

Hệ thống Chăm sóc Hi vọng sử dụng và điều phối những nguồn lực sẵn có của Chính phủ và địa phương nhằm cung cấp một *hệ thống chăm sóc* xác định nhu cầu, cung cấp tiếp cận dịch vụ chăm sóc chất lượng cao đối với thanh thiếu nhi khuyết tật cho dù do nguyên nhân là gì, cho tới tuổi 25. Những người tham gia được nhận sự chăm sóc "bao bọc" xuất phát từ *nhu cầu của riêng* mình và *có thể bao gồm một hoặc nhiều dịch vụ* như yêu cầu. Các dịch vụ đó bao gồm việc học hành, nhà ở phù hợp cho người khuyết tật, tư vấn, phẫu thuật và chỉnh hình, hướng nghiệp và đào tạo và vay vốn nhỏ để làm ăn kinh doanh. HSC định kỳ đánh giá từng trường hợp để điều chỉnh dịch vụ, cung cấp tư vấn tiếp và đánh giá tiến bộ. Mục tiêu cuối cùng là tạo thuận lợi cho việc phục hồi tối đa về thể chất, xã hội và tình cảm và chất lượng cuộc sống, kể cả việc hòa nhập cộng đồng cho thanh thiếu nhi bị khuyết tật.

Hệ thống Chăm sóc Hi vọng hiện đang được triển khai lần lượt tại từng huyện ở Đà Nẵng thông qua sự cộng tác giữa tổ chức Trẻ em Việt Nam với Ủy ban Nhân dân các huyện Hải Châu, (2007-2009), Ngũ Hành Sơn (2009-2012) và Cẩm Lệ (2011-2014). Phân đoạn gần đây nhất, ở huyện Cẩm Lệ, được tài trợ dưới sự bảo trợ của Đối tác Công-Tư tại Đà Nẵng với đóng góp của Quỹ Rockefeller, Mạng lưới Khách sạn Hyatt và Ngân hàng HSBC, và quỹ đối ứng của các Ủy ban Nhân dân huyện. Ba đặc trưng nổi trội của Hệ thống Chăm sóc Hi vọng là: Các dịch vụ thích hợp với từng cá nhân người khuyết tật, được điều chỉnh theo sự thay đổi nhu cầu của cá nhân đó; bao gồm 100% đối tượng là những người đáp ứng các tiêu chí lựa chọn cho tới khi người đó 25 tuổi; Ủy ban Nhân dân cam kết dần tiếp quản Hệ thống Chăm sóc Hi vọng cho tới khi bàn giao hoàn toàn vào cuối năm thứ ba.

Xác định thanh thiếu nhi bị khuyết tật

Các nhân viên HSC bắt đầu quá trình tuyển nhận bằng một cuộc khảo sát từng hộ gia đình trong huyện mà hồ sơ của Ủy ban Nhân dân cho thấy là có thanh thiếu nhi khuyết tật đang sinh sống. Sau đó, những thanh thiếu niên này được chuyển đến trung tâm y tế huyện để các chuyên gia xác định rõ hơn tính chất và mức độ khuyết tật. Các chuyên gia cung cấp sự đánh giá sâu hơn đối với những trường hợp khó chuẩn đoán. Mọi người có khuyết tật nghiêm trọng hoặc nhiều loại khuyết tật mà cuộc khảo sát xác định và sàng lọc đều được tuyển nhận vào HSC. Những người chỉ có một khuyết tật nhưng gia đình được công nhận là nghèo hoặc cận nghèo cũng đương nhiên được nhận. Số lượng nam và nữ được nhận là ngang nhau, tùy thuộc giới hạn kinh phí. Tại khâu cuối cùng của quá trình, tất cả các hộ gia đình có người khuyết tật được nhận vào HSC đều được đánh dấu trên bản đồ phường.

Việc lựa chọn những đối tượng thụ hưởng này đã giúp đưa ra những tiêu chí tuyển chọn rõ ràng và một qui trình tuyển chọn minh bạch và có sự tham gia đầy đủ của các thành phần liên quan nhằm tìm ra và theo dõi được từng thanh thiếu nhi trong huyện bị khuyết tật. Tính đến tháng Năm 2012 có 167 trẻ em khuyết tật ở huyện Cẩm Lệ, trong đó 150 cháu đã được tuyển nhận vào HSC. Có 152 thanh niên bị khuyết tật, trong đó 17 đã được tuyển nhận. Số người được tuyển nhận gồm cả 1 trẻ em và 12 thanh niên bị khuyết tật do Hội Nạn nhân chất độc Da cam Đà Nẵng xác nhận. Tính đến tháng Năm 2012, 388.800 USD đã được huy động cho HSC ở Cẩm Lệ. Sẽ cần khoảng 630.000 USD để đáp ứng được 100% yêu cầu ở Cẩm Lệ.

Đề nghị xem Kế hoạch Hành động của Nhóm Đối thoại để biết về các chương trình ưu tiên nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn và quản lý.

6. TIẾN HÀNH NGHIÊN CỨU DÀI HẠN

Chính phủ Việt Nam đã có một phòng thí nghiệm dioxin mới với độ phân giải cao và đã tăng rất mạnh kinh phí nghiên cứu 5 năm cho cơ sở này. Việc nghiên cứu sẽ tìm kiếm câu trả lời đối với những câu hỏi như tác động của dioxin trong môi trường tự nhiên và kỹ thuật sử dụng tốt hơn vùng đất bị tác động của chất diệt cỏ, cách thức xử lý nhằm giảm dioxin trong cơ thể, và những tác động liên thế hệ do phơi nhiễm dioxin. Việc nghiên cứu về những vấn đề này và về các chủ đề tương tự sẽ được sự hợp tác khoa học giữa Mỹ, Việt Nam và những quốc gia khác đang nỗ lực để giảm nguy cơ dioxin trong phạm vi đường biên giới của mình.

7. THIẾT KẾ NHỮNG CƠ CHẾ TÀI TRỢ NĂNG ĐỘNG

Kỉ nguyên cố gắng hiện nay nhằm chấm dứt di sản chất độc Da cam ở Việt Nam đã bắt đầu từ tháng Mười một 2006 bằng Tuyên bố chung giữa Tổng thống Mỹ George W. Bush và Chủ tịch Việt Nam Nguyễn Minh Triết. Tháng Năm 2007 Quốc hội Mỹ phê chuẩn khoản dự chi đầu tiên "cho các chương trình thí điểm nhằm khắc phục những điểm chứa hóa chất trong kỉ nguyên xung đột Việt Nam, và nhằm xử lý những nhu cầu của các cộng đồng gần đó". Quỹ Ford và các quỹ khác của Mỹ đã chung tay cùng UNDP và UNICEF, các tổ chức phi Chính phủ và một số Chính phủ các nước. Tính đến năm 2011, đã huy động được khoảng 91 triệu USD từ các nguồn nước ngoài, như thể hiện trong biểu đồ dưới đây. Khoảng hai phần ba số tiền này đã được phân bổ cho việc tẩy độc các điểm nóng dioxin ở Đà Nẵng, Biên Hòa và Phù Cát, còn một phần ba được phân bổ cho các chương trình y tế và khuyết tật ở khoảng 8 tỉnh, đem lại lợi ích cho khoảng 20.000 người khuyết tật.

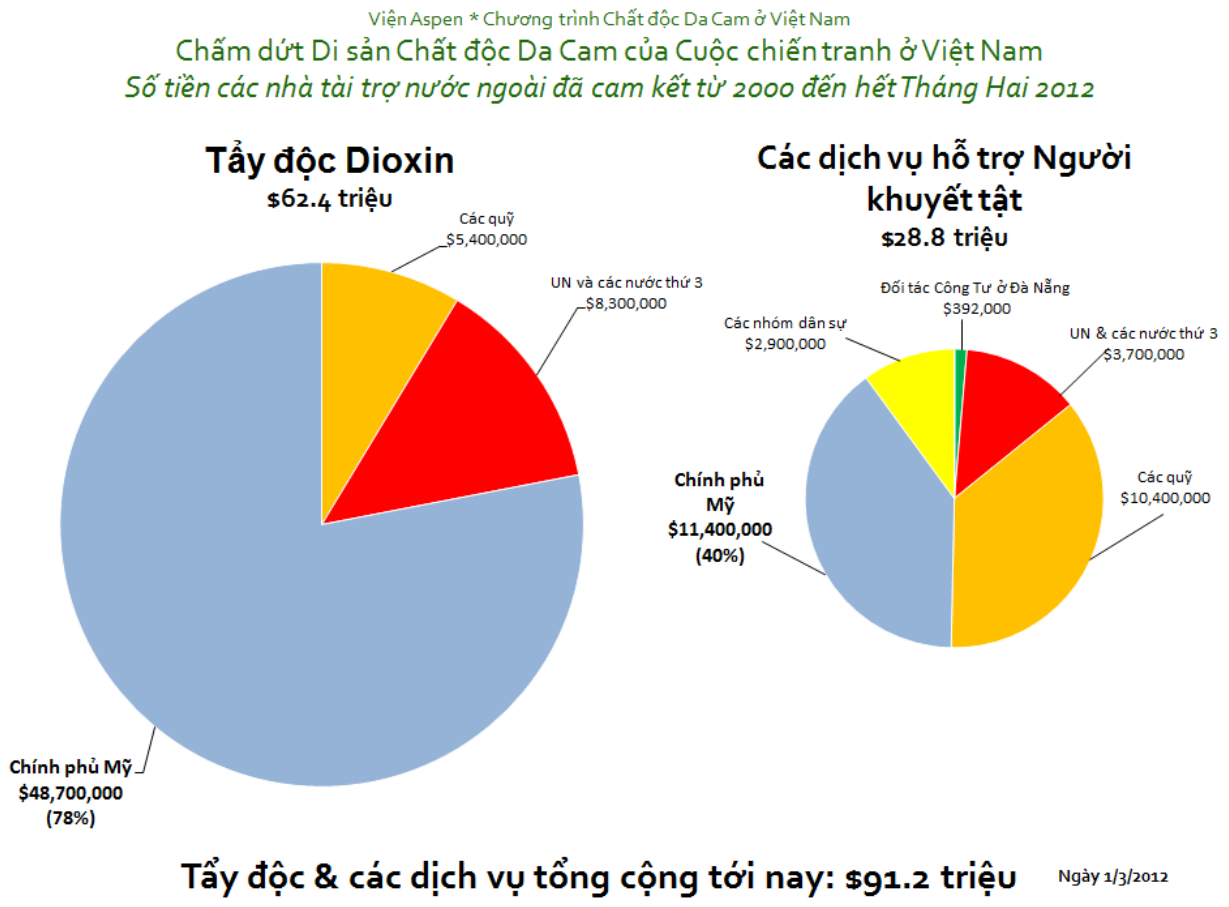

Trong 5 năm tới – là thời kỳ Nhóm Đối thoại khuyến nghị thực hiện Kế hoạch Toàn diện – cần tiếp tục khai thác các nguồn này và những nguồn khác nhằm tăng tổng lượng tiền cần thiết để đạt mục tiêu đã nêu trong Tuyên bố và Kế hoạch Hành động năm 2010 của Nhóm: "…loại trừ mối đe dọa do các điểm nóng dioxin gây ra đối với sức khỏe của công chúng, cải thiện cuộc sống của những người

tàn tật, khôi phục vùng đất bị chất diệt cỏ làm rụng lá, và loại bỏ một trở ngại cho mối quan hệ hoàn toàn bình thường giữa Mỹ và Việt Nam".

Chúng tôi tin rằng Chính phủ Mỹ cần đóng một vai trò then chốt trong việc thỏa mãn những chi phí này, cùng với các nhà tài trợ công và tư khác, bổ trợ một khoản đầu tư thích hợp liên tục của Chính phủ và nhân dân Việt Nam. Nhóm Đối thoại sẽ tiếp tục nỗ lực để huy động tiền riêng từ các nguồn mới và từ các cơ chế sáng tạo kể cả khi chúng tôi tiếp tục khuyến khích mạnh mẽ tài trợ công. Các dòng sau phác họa các đối tác khác hiện đang tham gia vào hồi hoạt động này.

Đóng góp từ thiện ở Việt Nam

Mùa thu năm 2011 Trung tâm Phát triển Cộng đồng LIN ở thành phố Hồ Chí Minh cộng tác với CIMIGO tiến hành một cuộc khảo sát 1.028 người Việt Nam ở các thành phố trên cả nước về "tình cảm và thái độ của họ đối với trách nhiệm xã hội và đóng góp từ thiện". Gần như tất cả mọi người đều ít nhất có đóng góp mỗi năm một lần. Tất cả 500 người trả lời trực tiếp đều cho biết có đóng góp dưới 500.000 VND (25 USD). Trong khi đó, một phần ba số người trả lời trực tuyến cho biết có đóng góp mỗi năm 1 triệu VND hoặc nhiều hơn (50+ USD). Ba nguồn thông tin có ảnh hưởng nhất để xem xét một tổ chức từ thiện là Internet, phát biểu miệng hoặc đề nghị đánh giá trực tiếp. Những người được hỏi cho biết họ tìm những tổ chức từ thiện trong lĩnh vực quan tâm của họ mà thể hiện sự minh bạch và có hiệu quả đã được chứng minh.

Những tổ chức độc lập của Việt Nam là sự lựa chọn đầu bảng để đóng góp, tiếp đến là các tổ chức của Chính phủ, các tổ chức quốc tế như UNICEF và Phẫu thuật Nụ cười, và các tổ chức tôn giáo. Cứu trợ thảm họa là vấn đề cao nhất đối với tất cả những người được phỏng vấn, kế đó là giáo dục, quyền của người khuyết tật và trẻ em đối với người miền Bắc, và quyền của người khuyết tật, trẻ em và người cao tuổi đang lão hóa đối với người miền Nam. Với việc nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng và giai cấp trung lưu đô thị mở rộng, rõ ràng là có cơ hội để đóng góp từ thiện nhiều hơn cho những chương trình đem lại lợi ích cho người khuyết tật. Để biết toàn bộ cuộc khảo sát, xin xem www.linvn.org

Vai trò của các tổ chức trong nước và các NGO Quốc tế

Các tổ chức trong nước bao gồm các tổ chức quần chúng, các tổ chức phi chính phủ khác do người Việt Nam làm chủ và lãnh đạo, các Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh và huyện, và các Sở Giáo dục, Y tế, và Lao động, Thương binh và Xã hội. Trong số các tổ chức quần chúng, Hội Nạn nhân chất độc Da cam là một phát ngôn viên quan trọng và một tổ chức vận động quyên góp. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cũng là một nguồn đóng góp quan trọng. Về dịch vụ, tuyệt đại đa số chuyên môn trong các dịch vụ xã hội cho người khuyết tật tập trung tại các phòng y tế, giáo dục và lao động cấp huyện trên khắp cả nước.

Đồng thời, những nbóm thanh niên khuyết tật mới đã xuất hiện và tổ chức tự giúp mình, nhất là các Tổ chức Người Khuyết tật. Các tổ chức phi Chính phủ Quốc tế ở Việt Nam cũng là những nguồn quan trọng về chuyên môn và kinh nghiệm cho các chương trình sức khỏe và khuyết tật. Tài trợ nước ngoài cần đưa tới một tập hợp thích hợp những tổ chức như vậy, có tính tới sự cần thiết phải đáp ứng toàn bộ yêu cầu và tính bền vững.

Đối tác Công-Tư

Các mối quan hệ Đối tác Công-Tư đang được sử dụng rộng rãi ở mọi nơi trên thế giới để góp chung nguồn lực và chuyên môn từ khu vực tư nhân, cả vị lợi nhuận và phi lợi nhuận, với những nguồn lực và chuyên môn của khu vực công nhằm đạt được một mục tiêu công quan trọng. Một ví dụ ở Việt Nam là quan hệ đối tác giữa các trường đại học công nghệ với hãng Intel, trường Đại học Bang Arizona và USAID nhằm cung cấp những cơ hội đào tạo tại chức cho giáo viên công nghệ. Một ví dụ khác là Đối tác Công-Tư ở Đà Nẵng, bao gồm Chính quyền địa phương, một tổ chức NGO Mỹ, Quỹ Rockefeller, mạng lưới các Khách sạn Hyatt, Ngân hàng HSBC và Viện Aspen nhằm hỗ trợ cho việc mở rộng Hệ thống Chăm sóc Hy vọng đã mô tả ở trên . Mối quan hệ đối tác này cho thấy một tập hợp cân bằng các tổ chức có thể đóng góp như thế nào vào việc giải quyết di sản của chất độc Da cam ở Việt Nam và đóng góp vào việc tăng cường sự hợp tác Mỹ-Việt. Tuy nhiên, việc xây dựng và duy trì lâu bền những mối quan hệ đối tác như vậy đòi hỏi sự chủ động và lãnh đạo từ phía cả hai Chính phủ.

Kế hoạch Hành động Quốc gia của Chính phủ Việt Nam

Việt Nam đã kiên trì cố gắng từ 1980 để đối phó với tàn dư của chất độc Da cam/dioxin. Trong năm đó, một Ủy ban ban đầu của Bộ Y tế đã bắt đầu tiến hành công tác đánh giá tác động, và Ban Chỉ đạo 33 liên ngành được thành lập năm 1999 nhằm chỉ đạo công tác ra quyết định của Chính phủ về vấn đề này.

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã lập ra Quỹ Nạn nhân Chất độc Da Cam Việt Nam năm 1998 và đã quyên góp được hơn 22 triệu USD nhằm hỗ trợ người nghèo khuyết tật. Năm 2003, Hội Nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam được thành lập với tư cách một tổ chức vận động chính sách; cả hai Hội này đều có chi hội trên toàn quốc cung cấp sự trợ giúp trực tiếp cho người dân địa phương.

Chính phủ Việt Nam tới nay đã chi 6,25 triệu USD để tẩy độc dioxin và cung cấp hằng năm 50 triệu USD thành các khoản trợ cấp nhỏ hàng tháng cho người khuyết tật được cho là gây ra bởi chất độc Da cam/dioxin.

Ban Chỉ đạo 33, sau khi tham khảo ý kiến các Bộ thành viên, đã xây dựng một bản Kế hoạch Hành động Quốc gia hiện nay đang chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Kế hoạch này gồm các nội dung sau:

1. *Tẩy độc các điểm nóng dioxin*
2. *Ngăn chặn việc người dân bị tiếp tục phơi nhiễm dioxin*
3. *Hỗ trợ người dân sống gần các điểm nóng dioxin*
4. *Nâng cấp các dịch vụ cho người khuyết tật*
5. *Tiến hành nghiên cứu dài hạn*

Các khoản chuẩn chi ngân sách hằng năm của Chính phủ Mỹ

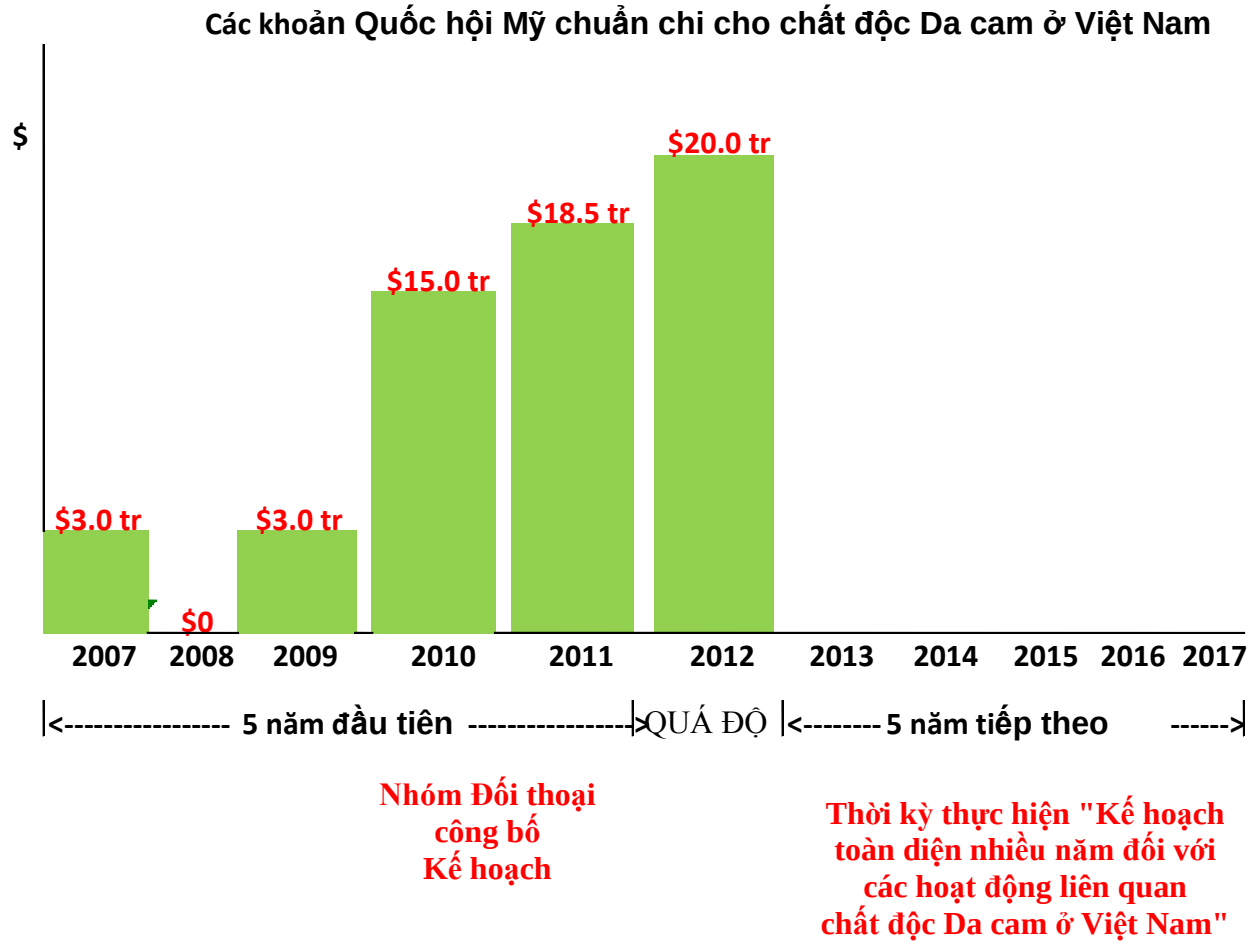

Nhóm Đối thoại công bố Kế hoạch

Thời kỳ thực hiện "Kế hoạch toàn diện nhiều năm đối với các hoạt động liên quan chất độc Da cam ở Việt Nam"

Năm 2010 tổng các khoản chuẩn chi của Chính phủ Mỹ đã vượt quá tổng các khoản từ tất cả các nguồn nước ngoài khác và hồi tháng Hai 2012 một khoản phân bổ cho các hoạt động về chất độc Da cam ở Việt Nam đã lần đầu tiên xuất hiện trong Ngân sách năm tài khóa 2013 của Tổng thống trình Quốc hội. Nhóm Đối thoại hoan nghênh cả chiều hướng gia tăng các khoản chuẩn chi này lẫn việc nhìn nhận nội dung chi này trong Ngân sách của Tổng thống.

Tỉ lệ người khuyết tật theo Cuộc Điều tra dân số năm 2009

Khu vực	Dân số 2009	Tỉ lệ có khuyết tật về nghe, nhìn, vận động hoặc nhận thức	Ước tính số người trên 5 tuổi có khuyết tật	Tỉ lệ dân số trên 5 tuổi "không có khả năng" nghe, hoặc nhìn, hoặc vận động hoặc nhận thức (trên 1000)	Ước tính số người trên 5 tuổi "không có khả năng" nghe, nhìn, vận động hoặc nhận thức
Toàn quốc	**85.846.997**	**7,8**	**6.100.000**	**4,9**	**420.645**
Trung du & miền núi phía Bắc	11.053.590	8,0	884.287	4,4	48.633
Đồng bằng sông Hồng	19.584.287	8,1	1.586.327	5,0	97.920
Duyên hải miền Bắc & Trung	18.835.154	9,7	1.827.009	6,5	122.427
Tây Nguyên	5.115.135	6,7	342.714	3,8	19.437
Đông Nam bộ	14.067.361	6.7	942.513	4,0	56.268
Đồng bằng sông Cửu Long	17.191.470	7,2	1.237.785	4,1	70.483
Các tỉnh bị phun rải nặng ở duyên hải miền Bắc & Trung					
Quảng Trị	598.324	9,9	59.234	6,8	4.066
TT Huế	1.087.420	8,3	90.256	6,3	6.848
Quảng Nam	1.422.319	9,7	137.965	7,6	10.807
Quảng Ngãi	1.216.773	10,0	122.677	7,2	8.755
Đà Nẵng	887.435	9,1	80.756	6,5	5.765
Các tỉnh bị phun rải nặng ở Tây Nguyên					
Kon Tum	430.133	7,6	32.690	4,1	1.763
Các tỉnh bị phun rải nặng ở Đông Nam bộ					
Tây Ninh	1.066.513	6,0	63.991	4,2	4.477
Bình Phước	873.598	5,5	48.047	3,7	3.230
Đồng Nai	2.486.154	8,2	203.864	4,8	11.933
Bình Dương	1.481.550	4,1	60.744	2,7	3.999
TP Hồ Chí Minh	7.162.864	5,0	365.296	3,9	27.932
Các tỉnh bị phun rải nặng ở Đồng bằng sông Cửu Long					
Bến Tre	1.255.946	10,3	129.362	5,8	7.279
Cà Mau	1.206.938	7,1	85.693	4,5	5.427

Những tỉnh miền Bắc có nhiều cựu chiến binh từng chiến đấu ở miền Nam

Thái Bình	1.781.842	12,4	122.947	6,9	12.289
Hà Nội	6.451.909	6,5	419.374	4,0	25.804

Mầu đỏ là những tỉnh có tỉ lệ cao hơn chuẩn quốc gia.
Màu xanh là những tỉnh có tỉ lệ cao hơn chuẩn khu vực.